**CHƯƠNG 1**

1.Quá trình hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

2. Từ lịch sử hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin, anh (chị) rút ra bài học gì trong nghiên cứu triết học Mác - Lênin ? Theo anh (chị) có cần thay đổi nội dung hoặc hình thức học tập, nghiên cứu triết học Mác - Lênin không ? Cụ thể sự thay đổi đó như thế nào ?

3.Chứng minh sự ra đời của triết học Mác - Lênin là tất yếu và là bước ngoặt cách mạng trong lịch sử triết học.

4. Vấn đề cơ bản của Triết học. Vai trò của Triết học đối với đời sống con người.

5.Vai trò thế giới quan của triết học và định hướng phát triển của bản thân trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0

6.Vấn đề cơ bản của triết học và nhận thức của bản thân về vai trò của triết học trong đời sống.

7.Sự khác nhau giữa phép biện chứng duy tâm và phép biện chứng duy vật trong lịch sử triết học và ý nghĩa của nó đối với cuộc chiến chống dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

8.Cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của xã hội ngày nay.

9.Triết học Mác – Lênin và vai trò của nó đối với những khoa học cụ thể.

10.Phương pháp biện chứng, phương pháp siêu hình và ý nghĩa của nó trong nhận thức khoa học.

11.Mối quan hệ giữa nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Vai trò của nhân tố chủ quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

**CHƯƠNG 2**

1.Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính thống nhất vật chất của thế giới. Những thành tựu của khoa học hiện đại chứng minh cho tính thống nhất vật chất của thế giới.

2.Tại sao nói mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là vấn đề cơ bản của triết học ? Thông qua mối liên hệ giữa vật chất và ý thức, anh (chị) rút ra được bài học gì trong thực tiễn nghiên cứu lĩnh vực khoa học chuyên ngành của anh chị ?

3.Trình bày nội dung hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra những ý nghĩa phương pháp luận của nó. Vận dụng những ý nghĩa phương pháp luận này trong việc học tập của các anh (chị).

5. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Vận dụng quy luật này để phân tích một mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống.

6.Vận dụng quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển để phân tích một vấn đề trong cuộc sống.

7.Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Vận dụng nguyên tắc thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vào công tác cải tạo xã hội Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.

8.Vật chất – Ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Vận dụng mối quan hệ này trong công cuộc đổi mới đất nước.

9.Nội dung phép biện chứng duy vật. Việc vận dụng phép biện chứng duy vật vào hoạt động thực tiễn của con người (Có thể làm bất kỳ nội dung nào trong 11 nội dung thuộc 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù).

11. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc toàn diện. Vận dụng nguyên tắc này vào quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

12. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của Triết học Mác- Lênin. Vận dụng nguyên tắc này vào quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân. (k. có)

13.Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phủ định biện chứng. Vận dụng nguyên tắc này vào việc nhận thức và thể hiện văn hóa đời sống của bản thân trong xã hội Việt Nam hiện nay.

14.Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc Lượng – Chất. Vận dụng nguyên tắc này vào quá trình phát triển bản thân và sự nghiệp.

15.Quan điểm của triết học Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức và yêu cầu phát huy tính năng động chủ quan của ý thức đối với việc học online hiện nay.

16.Cơ sở triết học của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ? Thực trạng và phương hướng giải quyết. (Gợi ý: Từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, từ đó nói lên tính tất yếu của quá trình này)

17.Quan hệ vật chất và ý thức ? Mục tiêu của bản thân bạn 10 năm sau là gì ? Xác định cơ sở và yêu cầu cần có trên hai phương diện khách quan và chủ quan trong xây dựng kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu này

18.Nội dung quy luật lượng - chất ? Thực trạng chất và lượng của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay ? Đề xuất phương hướng giải quyết theo suy nghĩ của bản thân

19.Nội dung quy luật mâu thuẫn ? Trình bày những mâu thuẫn trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay ? Phương hướng giải quyết cho từng mâu thuẫn.

20.Quan điểm toàn diện và vận dụng quan điểm này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt nam hiện nay.

21.Phủ định biện chứng và vận dụng quy luật này để kế thừa di sản văn hóa dân tộc trong trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

22.Vận dụng quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử-cụ thể của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến phân tích chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

23.Từ nội dung quy luật mâu thuẫn của Chủ nghĩa Mác-Lênin hãy chỉ ra những mâu thuẫn và giải pháp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

**CHƯƠNG 3**

**1.Ví dụ: CSHT và KTTT ở VN.**

2.Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người trong triết học Mác - Lênin.

3,Phân tích nội dung và kết cấu của lực lượng sản xuất. Tại sao nói, trong thời đại ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội ? Vận dụng quan điểm đã nêu trên để giải thích hoạt động công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.

4.Trong tác phẩm Luận cương về Lúc-vích Phoi-ơ-bắc (Ludwig Feuerbach) C. Mác viết: *" Bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của những cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của những quan hệ xã hội"* (C.Mác và Ph. Ăng ghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 3, trang 11). Anh (chị) hãy giải thích luận điểm của C.Mác đã nêu trên và cho biết anh (chị) đã vận dụng quan điểm trên như thế nào trong cuộc sống của cá nhân mình ?

5. Ở nước ta hiện nay, nhiều sinh viên nghĩ rằng triết học là vô ích khi so sánh nó với các môn học thuộc chuyên ngành khác được đào tạo (thí dụ: thương mại điện tử, quản trị kinh doanh, marketing, tiếng Anh thương mại, tin học, luật thương mại ngoại thương, v.v...) bởi vì không thể trực tiếp hành nghề đã chọn bằng kiến thức triết học. Anh (chị) đồng tình hay phản đối ý kiến trên, tại sao ?

7. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội. Ý nghĩa của học thuyết này đối với con đường phát triển đất nước Việt Nam.

10.Con người dưới góc nhìn của triết học và vấn đề con người trong thời đại 4.0 hiện nay.

13.Nội dung của quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội ? Vận dụng quan hệ này trong xây dựng nền văn hóa ở Việt Nam như thế nào ?

14.Quan điểm của C.Mác về con người ? Qua diễn biến dịch Covid 19, hãy trình bày nhận xét của bản thân về văn hóa ứng xử trong cộng đồng người Việt Nam. Đâu là những biểu hiện cần biểu dương, trân trọng ? Đâu là những biểu hiện cần phải phê phán ? Nguyên nhân ? Giải pháp khắc phục.

17.Vận dụng quan điểm triết học Mác về bản chất của con người để phân tích tầm quan trọng của nhân tố con người trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

18.Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, sự vận động và phát triển của mọi  sự vật, hiện tượng bị chi phối bởi những quy luật nào? Trong đó, quy luật nào là quy luật cơ bản nhất? Vì sao? Trình bày nội dung quy luật. Từ quy luật này, anh (chị) hãy cho biết quan điểm của mình đối với công tác đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

------------------------------------------------------------------

CHƯƠNG 1

**1. Quá trình hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.**

Hoàn cảnh kinh tế - xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học vào đầu thế kỷ XIX đã dẫn đến sự ra đời của triết học Mác.

Sự ra đời và phát triển của triết học MLN:Mac- quốc tế thứ nhất,Angen- quốc tế thứ hai,Lenin- quốc tế thứ ba ( TK 19 ),Giai đoạn C.Mac và Anggen:

1841- 1844 : Thời kì hình thành tư tưởng triết học với bước chuyển từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và lập trường giai cấp vô sản.

1844-1848: Thời kì đề xuất những nguyên lí triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Từ 1844 đến 1848 Hai ông đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

* Bản thảo kinh tế - triết học (năm 1844)
* Gia đình thần thánh (tháng 2 -1845)
* Hệ tư tưởng Đức (cuối 1845 đầu 1846)
* Sự khốn cùng của triết học( 1847)
* Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản(2-1848)

=> Chủ nghĩa Mác được trình bày như một chính thể các quan điểm lý luận nền tảng với ba bộ phận hợp thành nó.

1848-1895: Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học

Giai đoạn Lenin:

Có thể chia thành 3 thời kì:

Từ 1893-1907: Tập trung chống phái dân túy

Từ 1907 - 1917: Bảo vệ cndv & pbc

Từ 1917-1924: Tiếp tục bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện có chính quyền.

tháng 8/1903: đảng **Bolshevik** Nga được thành lập, lãnh đạo cách mạng Nga 1905

tháng 10/1917: cách mạng tháng 10 thành công

1999: quốc tế cs đc thành lập???

1922: Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời và sau đó đã trở thành 1 hệ thống.

- Giai đoạn từ 1893 đến 1907, V.I.Lênin nghiên cứu thể chế xã hội Nga và vai trò của các giai cấp khác nhau trong cuộc cách mạng đang tới gần; phê phán mọi hệ thống quan điểm duy tâm và phương pháp siêu hình của những người dân tuý.

+ Plêkhanốp và nhóm Giải phóng lao động, tuy truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga nhưng mắc sai lầm trong đấu tranh chống phái dân tuý; coi giai cấp tư sản tự do là giai cấp cách mạng.

+ Để đấu tranh chống lại quan điểm đó, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin viết một số tác phẩm như Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao? Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân tuý và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơruvê về nội dung đó; Làm gì? Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ v.v.

Giai đoạn từ 1907 đến Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

+ Tiếp tục đấu tranh chống các tư tưởng đối lập, bảo vệ và phát triển triết học Mác; xác lập thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

+ Các tác phẩm Một bước tiến hai bước lùi; Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán với định nghĩa về vật chất; Bút ký triết học với sự phát triển nội dung của triết học duy vật biện chứng, đặc biệt là phép biện chứng duy vật; Nhà nước và cách mạng với vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là nhà nước và nêu ra con đường để giai cấp vô sản xác lập nhà nước chuyên chính vô sản. Trong những năm 1914 - 1916, V.I.Lênin tóm tắt tác phẩm Khoa học Lôgíc và phần một của Từ điển bách khoa toàn thư về khoa học triết học, Những bài giảng về lịch sử triết học và Những bài giảng về triết học lịch sử của Hêghen, một số tác phẩm của Phoiơbắc và Lắcxan, Siêu hình học của Arítxtốt và các tác phẩm khác theo chuyên ngành triết học và khoa học tự nhiên vào 8 quyển và đặt tên là Bút ký triết học.

- Giai đoạn sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga từ 1917 đến 1924.

+ V.I.Lênin tiếp tục phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử thông qua các tác phẩm cơ bản như Sáng kiến vĩ đại; Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản; Về Chính sách kinh tế mới; Về tác dụng của chủ nghĩa duy vật chiến đấu v.v. Sáng kiến vĩ đại với định nghĩa về giai cấp; Về tác dụng của chủ nghĩa duy vật chiến đấu v.v.

 + Để bảo vệ chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin không chỉ phê phán đối với kẻ thù, mà còn kịch liệt phê phán những người nhân danh lý luận Mác trên lời nói, nhưng trên thực tế là chủ nghĩa xét lại, hoặc đã xa rời chủ nghĩa Mác. Để bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin đã tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng và dựa vào những thành quả mới của khoa học, tạo nên giai đoạn Lênin trong lịch sử triết học mácxít. Di sản triết học của V.I.Lênin trở thành cơ sở cho việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn; thiên tài về lý luận và thực tiễn của V.I.Lênin được những người cộng sản đánh giá cao. Họ đặt tên cho chủ nghĩa của mình là chủ nghĩa Mác - Lênin.

  Vai trò: (trong sách trang 112 sách nhỏ)

- Thể hiện trong vai trò thế giới quan khoa học và phương pháp luận cách mạng của triết học Mác - Lênin trong việc vận dụng và phát triển chúng của các đảng cộng sản với các bổ sung từ điều kiện lịch sử của thời đại.

- Thể hiện trong vai trò định hướng nhận thức và thực tiễn mục tiêu của xã hội loài người; giải quyết theo quy luật những vấn đề do thời đại đặt ra.

- Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận.

**Câu 2:Từ lịch sử hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin, anh (chị) rút ra bài học gì trong nghiên cứu triết học Mác - Lênin ? Theo anh (chị) có cần thay đổi nội dung hoặc hình thức học tập, nghiên cứu triết học Mác - Lênin không ? Cụ thể sự thay đổi đó như thế nào ?**

Từ lịch sử hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin, ta có thể rút ra một số bài học. Đầu tiên, điều quan trọng là triết học Mác - Lênin đã tạo ra một nền tảng lý thuyết mạnh mẽ cho việc hiểu và thay đổi xã hội. Triết học này giúp ta nhìn nhận xã hội hoàn toàn khách quan, phân tích cấu trúc xã hội và xác định các quy luật phát tri của xã hội. Nó cũng tạo ra cầu nối giữa lý thuyết và thực tế, giúp chúng ta nắm bắt bản chất của các vấn đề xã hội và định hướng hành động thực tiễn.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu và học tập triết học Mác - Lênin không nên bị giới hạn trong nội dung và hình thức truyền thống. Để thích ứng với thời đại và ngày càng phức tạp hóa của xã hội hiện đại, chúng ta cần cải tiến nội dung học tập và nghiên cứu triết học Mác - Lênin.

Cụ thể, chúng ta có thể xem xét việc bổ sung phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến như phân tích dữ liệu, mô hình hóa, mô phỏng để hiểu rõ hơn về xã hội và đối t nghiên cứu.êm vào đó, việc tìm hiểu các triết gia và lưu hành triết học Mác - Lênin ở các quốc gia khác cũng sẽ mở rộng hiểu biết và tiếp thu thêm nhiều quan điểm đa dạng.

Bên cạnh đó, việc sử dụng các công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo để nghiên cứu và truyền bá triết học Mác - Lênin cũng cần được lưu ý. Ví dụ như sử dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích các văn bản và ý kiến, để tạo ra các công cụ học tập thông minh và tăng cường việc tìm kiếm thông tin.

Tóm lại, chúng ta cần duy trì và phát triển nền tảng triết học Mác - Lênin, nhưng cũng cần cải tiến nội dung và áp dụng các công nghệ mới để học tập và nghiên cứu triết học này trong thời đại hiện đại.

**Câu 3: Chứng minh sự ra đời của triết học Mác - Lênin là tất yếu và là bước ngoặt cách mạng trong lịch sử triết học.**

1, Tiền đề về kinh tế- xã hội.

-Từ giữa những năm 40 của thế kỉ XIX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Tây Âu. Cuộc cách mạng công nghiệp ở Pháp đang được hoàn thành, ở Đức cũng như ở tại một số nước Tây âu khác, cuộc cách mạng công nghiệp cũng làm cho phương thức sản xuất TBCN lớn lên nhanh chóng trong lòng xã hội phong kiến.

=>Nhờ vậy, tính nổi trội của CNTB so với chế độ phong kiến đã được thể hiện rõ nét. Mặt khác, sự phát triển mạnh mẽ của CNTB đã làm cho các mâu thuẫn xã hội vốn có của nó bộc lộ ngày càng gay gắt (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa).

+ Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nổ ra ngày càng nhiều, nó đã chứng tỏ được sự trưởng thành và lớn mạnh của giai cấp vô sản và phong trào công nhân cả về quy mô và tính chất. Tuy nhiên, còn mang tính tự phát, chủ yếu là quyền lợi về kinh tế, thiếu tổ chức lãnh đạo do chưa nhận thức đầy đủ về cơ sở, mục đích, bản chất cuộc đấu tranh.

=> Chính nhu cầu khách quan này là phải có một vũ khí lí luận sắc bén để dẫn đường cho phong trào cách mạng để giai cấp vô sản thực sự trở thành giai cấp tiến bộ.

-C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc trên tinh thần phê phán tất cả những gì mà tư tưởng loài người đã sáng tạo ra. Hơn thế nữa chính hai ông đã thực sự chiến đấu trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, khái quát những kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân Chính từ đó triết học Mác ra đời và nó vừa gắn với lý luận vừa mang hơi thở của thực tiễn.

- Triết học Mác ra đời đã phản ánh đúng lịch sử phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, giai cấp công nhân đưa phong trào đấu tranh chuyển từ tự phát sang tự giác.

=> Có thể nói trong những năm 40 của thế kỉ XIX, sự ra đời của triết học Mác là một tất yếu lịch sử, không thể sớm hơn cũng không thể muộn hơn vì thời điểm đó đã thực sự chín muồi.

2, Tiền đề lý luận.

-C.Mác và Ăngghen đã đánh giá rất cao vai trò triết học của Hêghen - người đầu tiên trong lịch sử triết học trên cơ sở triết học duy tâm đã xây dựng hệ thống các phạm trù, quy luật của phép biện chứng. Đồng thời hai ông phê phán quyết liệt chủ nghĩa duy tâm của Hêghen

=> Từ đó hai ông đã rút ra được hạt nhân quý báu trong triết học của Hêghen là phép biện chứng và đã cải tạo, giải phóng cho nó từ đó xây dựng nên phép biện chứng duy vật, thực sự tạo ra một bước ngoặt cách mạng trong triết học.

- Sự ra đời của triết học Mác còn là kết quả của sự tiếp thu các tinh hoa tư tưởng triết học của nhân loại. Một cơ sở nữa không thể thiếu được để tạo ra các quan điểm duy vật về lịch sử trong triết học Mác là việc nghiên cứu và cải tạo các học thuyết kinh tế chính trị học của Anh với các đại biểu là A.Xmít và Đ.Ricácđô.

3, Tiền đề khoa học tự nhiên

-Triết học Mác là một hình thức lịch sử mới và cao nhất của chủ nghĩa duy vật cũng được chuẩn bị bởi một tiền đề khách quan nữa về phương diện khoa học .Đó chính là những thành tựu mới đạt được của khoa học trên nền tảng của khoa học tự nhiên ở vào thời điểm đó.

-Như đã biết sự phát triển của khoa học tự nhiên trong các thế kỷ XVII và XVIII là sự phát triển của các khoa học cụ thể, nghiên cứu các vấn đề riêng rẽ của tự nhiên theo phương pháp siêu hình. Nhưng cho đến cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX thì sự phát triển của khoa học tự nhiên đã chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn phát triển khoa học tự nhiên lý luận.

Sự phát triển này đã đòi hỏi và thúc đẩy việc phải chuyển phương pháp nghiên cứu từ siêu hình, máy móc, chia cắt và ngưng đọng các đối tượng nghiên cứu sang phương pháp biện chứng nghĩa là trình bày sự phát triển của tự nhiên như một quá trình vận động, liên hệ và thống nhất.

**Câu 4. Vấn đề cơ bản của Triết học. Vai trò của Triết học đối với đời sống con người.**

Vấn đề cơ bản của Triết học => mối quan hệ giữa vật chất và ý thức (Câu 4 studucu)

Vấn đề cơ bản của Triết học có 2 mặt. Trả lời cho 2 câu hỏi lớn.

Mặt thứ nhất: Giữa ý thức và vật chất thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào? Nói cách khác, khi tìm ra nguyên nhân cuối cùng của hiện tượng, sự vật hay sự vận động đang cần phải giải thích, thì nguyên nhân vật chất hay nguyên nhân tinh thần đóng vai trò là cái quyết định.

Mặt thứ hai: Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không? Nói cách khác, khi khám phá sự vật và hiện tượng, con người có dám tin rằng mình sẽ nhận thức được sự vật và hiện tượng hay không.

Cách trả lời hai câu hỏi trên quy định lập trường của nhà triết học và của trường phái triết học, xác định việc hình thành các trường phái lớn của triết học.

Ghi tiếp trong sách trang 35 (sách nhỏ)

Vai trò:

Triết học Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển những thành tựu quan trọng  nhất của tư duy triết học nhân loại, mục đích của triết học Mác - Lênin là nâng cao hiệu quả của quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn, phục vụ lợi ích của con người. Triết hợp Mác - Lênin mang lại thế giới quan duy vật biện chứng, là hạt nhân của thế giới quan cộng sản. Nó giúp cho con người có cơ sở khoa học để đi sâu nhận thức bản chất của tự nhiên, xã hội và nhận thức được mục đích ý nghĩa cuộc sống nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của con người

Triết học có chức năng thế giới quan và phương pháp luận, chức năng nhận thức và giáo dục, chức năng phê phán… Tuy nhiên, chức năng thế giới quan và chức năng phương pháp luận là hai chức năng cơ bản của triết học nói chung, đặc biệt là triết học Mác - Lênin nói riêng. Với hai chức năng chính là phương pháp luận và chức năng thế giới quan đem lại vai trò lớn đối với đời sống xã hội:

**Chức năng, vai trò của thế giới quan(bên dưới câu 5)**

Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm là cơ sở lý luận của hai thế giới quan cơ bản đối lập nhau. Chính vì vậy chúng đóng vai trò là nền tảng thế giới quan của các hệ tư tưởng đối lập. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong triết học biểu hiện bằng cách này hay cách khác cuộc đấu tranh giữa những giai cấp, những lực lượng xã hội đối lập nhau. Thế giới quan có điểm sau:

- Thế giới quan đúng đắn là tiền đề để xác lập nhân sinh quan tích cực giúp cho con người sáng tạo trong hoạt động.

- Thế giới quan sai lầm làm cho con người sống thụ động hoặc sai lệch trong hoạt động.

- Việc nghiên cứu triết học giúp ta định hướng hoàn thiện thế giới quan.

**Chức năng, vai trò của phương pháp luận:** Nắm vững triết học Mác - Lênin không chỉ là tiếp nhận một thế giới quan đúng đắn mà còn là xác định một phương pháp luận khoa học. Phương pháp luận phổ biến là học thuyết triết học về các nguyên tắc, quan điểm hướng dẫn hành vi con người trong hoạt động thực tiễn và nhận thức. Phương pháp luận phổ biến vừa là lý luận về cách xây dựng phương pháp, đồng thời là nghệ thuật vận dụng phương pháp trong những điều kiện tình hình hoạt động cụ thể. Phương pháp luận của triết học Mác - Lênin đã góp phần quan trọng, chỉ đạo, định hướng cho con người trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Như vậy, phương pháp luận phổ biến thống nhất trong mình học thuyết về phương pháp phổ biến trong hoạt động nhận thức thế giới và học thuyết về phương pháp phổ biến Trong hoạt động của con người (cả ý thức lẫn thực tiễn) có rất nhiều phương pháp được áp dụng vì thế quá trình lựa chọn sử dụng phương pháp có thể đúng hoặc sai. Nếu việc lựa chọn và sử dụng đúng, phương pháp đó sẽ giúp ta thành công, còn nếu lựa chọn sai nó dẫn đến thất bại. Chính vì lẽ đó, con người cần phải nhận thức khoa học, nhận thức đúng đắn về phương pháp đã được hình thành và xuất hiện hay cũng chính là sự ra đời của phương pháp luận. Như đã phân tích ở trên, Phương pháp luận là hệ thống các nguyên tắc, quan điểm hướng dẫn hành vi của con người, cùng nghĩa làm cơ sở cho việc xây dựng, lựa chọn, tìm tòi và vận dụng các phương pháp trong nhận thức và thực tiễn nhằm đạt được mục đích để định sẵn. Có thể hiểu rằng, phương pháp luận có vai trò định hướng, gợi mở cho hoạt động về nhận thức và thực tiễn, còn phương pháp là cách thức, thao tác hoạt động cụ thể mà chủ thể phải tuân thủ và thực hiện nhằm đạt được mục đích. Phương pháp luận có ba cấp độ:

- Phương pháp luận ngành/bộ : Đây là phương pháp có cấp độ hẹp nhất, ở phương pháp này, các nguyên tắc và quan điểm được rút ra từ một lý thuyết khoa học chuyên ngành, nó phản ánh được quy luật của một lĩnh vực cụ thể như triết học

- Phương pháp luận chung: các quan điểm, nguyên tắc chung hơn cấp độ ngành, dùng để xác định phương pháp hay phương pháp luận của nhóm ngành có đối tượng nghiên cứu chung.

- Phương pháp luận chung nhất (phương pháp luận triết học): khái quát các quan điểm, nguyên tắc chung nhất. Để lấy cơ sở xác định các phương pháp luận ngành, chung và các phương pháp hoạt động cụ thể của nhận thức và thực tiễn. Đối với nhận thức và thực tiễn của con người, phương pháp luận rất quan trọng khi làm cơ sở, nền móng, đóng vai trò định hướng cho việc xây dựng, tìm tòi và vận dụng các phương pháp nhằm tác động lên đối tượng để đạt được mục đích. Mà để hoạt động trong thực tiễn và nhận thức của con người đạt được hiệu quả thì cần phải có tri thức triết học cụ thể và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn xã hội.trong thực tiễn cải tạo thế giới.

**Câu 5. Vai trò thế giới quan của triết học và định hướng phát triển của bản thân trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0**

**Chức năng, vai trò của thế giới quan:** Để nhận thức đúng đắn về chức năng, vai trò của thế giới quan, trước tiên cần phải hiểu thế giới quan là gì? Theo đó:  Thế giới quan là một hệ thống các quan niệm, quan điểm tổng quát của con người về thế giới, về vai trò, vị trí của con người trong thế giới đó. Thế giới quan đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của con người và xã hội loài người. Hoạt động của con người luôn chịu sự chi phối bởi một thế giới quan nhất định, chính vì thế muốn tồn tại trong thế giới này dù muốn hay không con người cũng phải nhận thức thế giới và nhận thức bản thân mình. Bởi vì trên thực tế, muốn tồn tại và phát triển, con người cần phải có mối quan hệ sâu sắc với thế giới xung quanh mình, luôn tìm kiếm không ngừng thay đổi để có thể phù hợp với xã hội và với những mục tiêu mình đã đề ra. Những yếu tố hình thành nên thế giới quan như tri thức, niềm tin, lý chí, tình cảm luôn có sự thống nhất với nhau và thống nhất trong các hoạt động của con người, cả trong tiềm thức lẫn thực hành. Thế giới quan đóng vai trò là nhân tố định hướng cho quá trình hoạt động sống của con người. thế giới quan thống nhất trong mình vũ trụ quan, ý thức hệ và nhân sinh quan của con người cụ thể. Với tính cách là cơ sở thế giới quan, triết học vừa là cơ sở vũ trụ quan, vừa là cơ sở ý thức hệ, vừa là cơ sở nhân sinh quan. Thế giới quan như một " Thấu kính" qua đó con người xác định mục đichs, ý nghĩa cuộc sống và lựa chọn cách thức đạt mục đích đó.

Từ việc nhìn nhận thế giới quan đúng đắn, con người sẽ có khả năng nhận thức, quan sát, nhận thức mọi vấn đề trong thế giới xung quanh. Từ đó giúp con người định hướng thái độ và cách thức hoạt động sinh sống của mình. Triết học ra đời với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan, làm cho thế giới quan phát triển như một quá trình tự giác dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và tri thức do các nhà khoa học đưa lại. Triết học giữ vai trò định hướng cho quá trình củng cố và phát triển thế giới quan của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng trong lịch sử. Trang bị thế giới quan đúng đắn mới chỉ là một mặt của triết học Mác - Lênin. Với tư cách là hệ thống tri thức chung nhất của con người về thế giới và vai trò của con người trong thế giới đó, triết học thực hiện chức năng phương pháp luận chung nhất. Dó chính là chức năng thế giới quan của triết học.

Chung quy lại, thế giới quan có những vai trò trong đời sống xã hội cụ thể như sau:

- Giúp con người định hướng ra mối quan hệ chung giữa thế giới và vị trí của con người trong thế giới giúp con người xác định được chính xác mục tiêu, phương hướng hoạt động của bản thân.

- Chi phối hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người, giúp con người có thể nhìn nhận hiểu đúng ý nghĩa cuộc sống, con người sẽ có ý chí và quyết tâm tích cực hoạt động vì sự tiến bộ của xã hội và của bản. Còn nếu con người không tìm được niềm vui và ý nghĩa tích cực trong cuộc sống thì con người sẽ trở nên tiêu cực, cản trở tính chủ động thậm chí còn hủy hoại trách nhiệm và ý thức của con người đối với các mối quan hệ cũng như công việc mà con người đang hướng đến.

Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm là cơ sở lý luận của hai thế giới quan cơ bản đối lập nhau. Chính vì vậy chúng đóng vai trò là nền tảng thế giới quan của các hệ tư tưởng đối lập. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong triết học biểu hiện bằng cách này hay cách khác cuộc đấu tranh giữa những giai cấp, những lực lượng xã hội đối lập nhau. Thế giới quan có điểm sau:

- Thế giới quan đúng đắn là tiền đề để xác lập nhân sinh quan tích cực giúp cho con người sáng tạo trong hoạt động.

- Thế giới quan sai lầm làm cho con người sống thụ động hoặc sai lệch trong hoạt động.

- Việc nghiên cứu triết học giúp ta định hướng hoàn thiện thế giới quan.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0, để phát triển bản thân một cách hiệu quả, có một vài định hướng quan trọng mà bạn có thể xem xét:

1. Nâng cao năng lực cá nhân: Để đối phó với các thách thức và cơ hội của thế giới hiện đại, nâng cao năng lực cá nhân trở thành rất quan trọng. Hãy tìm hiểu và phát triển các kỹ năng cần thiết như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng giải quyết vấn đề. Ngoài ra, hãy luôn sẵn lòng tiếp tục học hỏi và cập nhật kiến thức mới để giữ bản thân luôn được nâng cao.

2. Khám phá và tham gia vào cơ hội toàn cầu: Toàn cầu hóa mở ra cơ hội hơn bao giờ hết để khám phá và tham gia vào cộng đồng quốc tế. Hãy tận dụng những cơ hội này để mở rộng mạng lưới quan hệ, tiếp cận các nguồn tài nguyên và kinh nghiệm từ các quốc gia và văn hóa khác nhau. Tham gia vào các sự kiện quốc tế, các dự án đa quốc gia và các chương trình trao đổi là một cách để xây dựng kỹ năng toàn cầu và mở rộng triển vọng cho sự phát triển cá nhân.

3. Học và thích nghi với công nghệ 4.0: Cách mạng công nghệ 4.0 đang thay đổi cách chúng ta làm việc, học tập và giao tiếp. Để phát triển trong bối c mạng công nghệ này, hãy học và làm quen với các công nghệ mới, như trí tuệ nhân tạo, internet of things, trò chơi ảo thực tế và blockchain. Sử dụng công n nâng cao hiệu suất làm việc, tăng cường kỹ năng số hóa và tạo ra giá trị mới cho các lĩnh vực khác nhau.

4. Phát triển tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề: Trong một thế giới liên tục thay đổi, khả năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề là điều quan trọng. Hãy mở rộng tư duy khám phá, dám nghĩ và thử nghiệm các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề phức tạp. Hãy hoạch định cách giải quyết vấn đề bằng cách sử dụng các công nghệ mới và hợp tác với người khác để tạo ra những giải pháp đột phá.

5. Phát triển nhận thức về bảo vệ môi trường: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ, bảo vệ môi trường trở thành một ưu tiên cấp thiết. Hãy phát triển nhận thức về tác động của hành động cá nhân lên môi trường và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

**Câu 11:**Nhân tố chủ quan liên quan đến những yếu tố cá nhân, nhận thức và trạng thái tâm lý của một người. Nó phản ánh suy nghĩ, cảm xúc, niềm tin, giá trị và kinh nghiệm cá nhân mà mỗi người mang vào quá trình nhận thức và đánh giá. Nhân tố chủ quan có thể thay đổi từ người này sang người khác và có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như văn hóa, giáo dục, quan điểm cá nhân và trạng thái tâm lý.

Ngược lại, nhân tố khách quan liên quan đến sự tồn tại độc lập và không bị ảnh hưởng bởi nhận thức cá nhân. Nhân tố khách quan bao gồm những yếu tố khách quan và bất biến trong thế giới vật lý, như sự tồn tại của các đối tượng, sự kiện và quy luật tự nhiên.

Vai trò của nhân tố chủ quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn là rất quan trọng. Nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến cách chúng ta tiếp nhận thông tin, tạo ra suy nghĩ, đánh giá và quyết định. Mỗi người có một bộ lọc chủ quan, bao gồm niềm tin, giá trị và kinh nghiệm cá nhân, và điều này ảnh hưởng đến cách chúng ta hiểu và tác động lên thế giới xung quanh.

Tuy nhiên, nhân tố chủ quan không phải lúc nào cũng chính xác và toàn diện. Có thể có sự sai lệch giữa nhận thức cá nhân và thực tế khách quan. Mỗi người có thể có quan điểm khác nhau về cùng một sự việc hoặc vấn đề dựa trên nhân tố chủ quan của họ. Điều này có thể tạo ra sự đa dạng quan điểm và tranh luận trong xã hội.

Ví dụ, trong việc đánh giá một sản phẩm mới, nhân tố chủ quan có thể là ý kiến cá nhân về màu sắc, hương vị hoặc trải nghiệm cá nhân. Tuy nhiên, để đánh giá toàn diện về chất lượng sản phẩm, ta cần xem xét cả những tiêu chuẩn khách quan như thành phần, công nghệ sản xuất, và đánh giá từ những người dùng khác.

**Câu 10:**1. Phương pháp biện chứng:

- Phương pháp biện chứng là một phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực triết học và khoa học.

- Nó nhấn mạnh vai trò của lập luận logic và phân tích logic trong quá trình tìm hiểu và đánh giá sự đúng đắn của một khẳng định hoặc giả định.

- Phương pháp này sử dụng các quy tắc logic và bằng chứng để kiểm tra và xác minh tính chính xác của các giả thiết và lập luận.

- Chúng cung cấp một khung công cụ để đánh giá và phản biện các lý thuyết, giúp tiến bộ và cải thiện kiến thức khoa học.

2. Phương pháp siêu hình:

- Phương pháp siêu hình là một phương pháp trong triết học và khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực triết học tự nhiên.

- Được phát triển bởi triết gia và nhà toán học người Pháp René Descartes.

- Phương pháp này nhấn mạnh sự tách rời và phân chia các khái niệm hoặc vấn đề cần nghiên cứu thành các phần nhỏ hơn, sau đó tìm hiểu và phân tích các phần đó một cách kỹ lưỡng.

- Phương pháp siêu hình sử dụng lập luận logic và phân tích cơ bản để đạt được sự hiểu biết và sự chắc chắn về vấn đề nghiên cứu.

Ý nghĩa : Phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình là hai phương pháp quan trọng trong nhận thức khoa học. Chúng giúp xác minh tính chính xác và đúng đắn của các giả thiết và lý thuyết thông qua việc sử dụng lập luận logic và phân tích cơ bản. Cả hai phương pháp này đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm tra và xác minh kiến thức khoa học, tạo ra sự tin cậy và tiến bộ trong nghiên cứu.

**Câu 9:**

Triết học Mác Lênin nghiên cứu về các mối quan hệ giữa vật chất và ý thức dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng đã chứng minh rằng vật chất xuất hiện trước còn ý thức xuất hiện sau, vật chất quyết định ý thức và ý thức tác động đến vật chất.

Thứ nhất, thế giới vật chất là thế giới tồn tại một cách khách quan, có trước với ý thức con người.

Thứ hai, những sự vật, hiện tượng của thế giới vật chất đều có mối liên hệ thống nhất và chặt chẽ với nhau. Những sự vật, hiện tượng này có kết cấu vật chất hoặc có nguồn gốc vật chất, do vật chất sinh ra và cùng chịu sự chi phối của những quy luật khách quan của thế giới vật chất.

Thứ ba, thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn và trong thế giới vật chất sẽ tác động, trao đổi lẫn nhau.

Triết học Mác - Lênin có vai trò quan trọng đối với nhiều lĩnh vực khoa học cụ thể, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học xã hội. Đây là một hệ thống triết học được phát triển từ công cuộc nghiên cứu và ứng dụng của Karl Marx và Friedrich Engels, sau đó được V.I. Lenin phát triển và ứng dụng vào thực tiễn cách mạng. Dưới đây là một số ví dụ về vai trò của triết học Mác - Lênin đối với một số khoa học cụ thể:

1. Khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin đã có ảnh hưởng sâu sắc đến lĩnh vực khoa học chính trị. Các nguyên lý cơ bản của triết học này, như lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, giai cấp xã hội và cuộc cách mạng giai cấp đã cung cấp cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu về xã hội và chính trị. Nó giúp hiểu rõ về bản chất của quyền lực, vai trò của các lực lượng xã hội và đưa ra phân tích cấu trúc xã hội, định hướng cho các nghiên cứu về chính trị và quản lý.

2. Kinh tế học: Triết học Mác - Lênin đã tạo ra một lý thuyết kinh tế mang tính cách mạng, được gọi là chủ nghĩa Mác - Lênin. Lý thuyết này tập trung vào nghiên cứu về quy luật phát triển của hệ thống kinh tế, vai trò của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình phát triển xã hội. Nó đã đóng góp quan trọng cho lĩnh vực kinh tế học, đặc biệt là trong việc phân tích các vấn đề về khí đốt, chủ nghĩa tư bản, tư bản quốc tế và chính sách kinh tế.

3. Xã hội học: Triết học Mác - Lênin cung cấp một cách nhìn xuyên suốt về xã hội và phân tích cấu trúc xã hội dựa trên lý thuyết về giai cấp và cuộc cách mạng giai cấp. Nó cung cấp các công cụ phân tích cho nghiên cứu xã hội học về tầng lớp xã hội, quan hệ quyền lực và tương tác xã hội. Ngoài ra, triết học Mác - Lênin cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu về xã hội học về công nhân, gia đình và các vấn đề xã hội khác.

4. Triết học khoa học: Mác - Lênin không chỉ ảnh hưởng đến các lĩnh vực khoa học xã hội mà còn có vai trò quan trọng trong triết học khoa học nói chung. Phương pháp duy vật biện chứng được đề xuất bởi Mác - Lênin đã ảnh hưởng đáng kể đến triết học và phương pháp khoa học. Đây là một phương pháp nghiên cứu dựa trên quan điểm duy vật, nhấn mạnh vai trò của tư duy và thực tiễn trong quá trình hiểu biết và phát triển tri thức.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng vai trò của triết học Mác - Lênin trong từng lĩnh vực khoa học cụ thể có thể có sự đa dạng và tranh cãi. Điều này phụ thuộc vào quan điểm và ngữ cảnh nghiên cứu của từng nhà khoa học.

Câu 8:

Cuộc cách mạng trong triết học do Karl Marx và Friedrich Engels thực hiện, được gọi là cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen, đã có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội ngày nay. Dưới đây là một số điểm quan trọng về cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen và ý nghĩa của nó:

1. Phân tích tư bản và giai cấp xã hội: Cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen phân tích một cách toàn diện vai trò của tư bản và giai cấp xã hội trong lịch sử nhân loại. Nó tạo ra một lý thuyết khoa học về các giai đoạn phát triển kinh tế, từ xã hội cổ đại đến xã hội hiện đại, và sự đấu tranh giữa các giai cấp trong quá trình lịch sử. Điều này giúp hiểu rõ về nguồn gốc của xã hội hiện tại và định hướng cho việc thay đổi xã hội.

2. Nhận thức về cuộc cách mạng giai cấp: Cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen nhấn mạnh vai trò của cuộc cách mạng giai cấp như một lực lượng tiến bộ trong sự phát triển xã hội. Điều này khẳng định rằng sự thay đổi xã hội không thể xảy ra một cách tự nhiên, mà cần sự can thiệp và hành động chủ động của các giai cấp vô sản. Cuộc cách mạng giai cấp được coi là phương tiện để đạt được xã hội công bằng và chấm dứt tình trạng bất công và áp bức.

3. Phân tích cấu trúc xã hội: Cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen phân tích cấu trúc xã hội dựa trên sự tương tác giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Nó nhấn mạnh vai trò của cách mà con người sản xuất và phân phối tài nguyên trong xã hội. Bằng cách hiểu cấu trúc xã hội, ta có thể nhìn thấy sự phân chia giai cấp và bất bình đẳng trong xã hội và đặt nền tảng cho việc khắc phục và xây dựng một xã hội công bằng hơn.

Ý nghĩa của cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen đối với sự phát triển của xã hội ngày nay là việc nó tiếp tục cung cấp một nền tảng lý thuyết để hiểu và phân tích các vấn đề xã hội hiện đại. Nó khai sáng về bản chất của các vấn đề như khủng hoảng kinh tế, bất bình đẳng xã hội, áp bức giai cấp, khủng hoảng môi trường và đấu tranh cho quyền lợi của người lao động. Cách mạng chủ nghĩa Mác - Ăngghen vẫn tiếp tục cung cấp một góc nhìn phản ánh và một công cụ phân tích mạnh mẽ cho việc nghiên cứu và hành động xã hội.

**Câu 7:**

Phép biện chứng duy tâm (idealistic dialectics) và phép biện chứng duy vật (materialistic dialectics) là hai khái niệm trong triết học có xuất phát từ các triết gia khác nhau và có sự khác nhau quan trọng về cách tiếp cận thực tại. Dưới đây là sự khác nhau giữa hai phép biện chứng này và ý nghĩa của chúng đối với cuộc chiến chống dịch bệnh Covid-19 hiện nay:

1. Phép biện chứng duy tâm (Idealistic Dialectics): Phép biện chứng duy tâm tập trung vào vai trò của ý thức, ý niệm và tư tưởng trong quá trình phát triển xã hội. Theo quan điểm này, thực tại được coi là một sản phẩm của ý thức, và thay đổi xã hội xảy ra thông qua sự thay đổi trong ý niệm và tư tưởng của con người. Ví dụ về triết gia theo phép biện chứng duy tâm là Georg Wilhelm Friedrich Hegel.

2. Phép biện chứng duy vật (Materialistic Dialectics): Phép biện chứng duy vật tập trung vào vai trò của hiện thực vật chất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình phát triển xã hội. Theo quan điểm này, ý thức và ý niệm được xem là phản ánh của hiện thực vật chất, và thay đổi xã hội xảy ra thông qua sự thay đổi trong cơ sở vật chất. Ví dụ về triết gia theo phép biện chứng duy vật là Karl Marx và Friedrich Engels.

Ý nghĩa của phép biện chứng duy tâm và phép biện chứng duy vật đối với cuộc chiến chống dịch bệnh Covid-19 hiện nay có thể được hiểu như sau:

- Phép biện chứng duy tâm: Phương pháp này có thể áp dụng để nghiên cứu về tư tưởng, ý niệm và nhận thức xã hội về Covid-19. Nó giúp ta hiểu về sự thay đổi trong tư duy và ý thức xã hội, tác động của thông tin, quan điểm và giá trị trên việc hiểu và ứng phó với dịch bệnh. Nó cung cấp góc nhìn về tầm quan trọng của giáo dục, thông tin và nhận thức công cộng trong việc đối phó với đại dịch.

-Phép biện chứng duy vật: Phương pháp này giúp ta nghiên cứu về cơ sở vật chất, kinh tế và xã hội trong việc chống dịch bệnh Covid-19. Nó tập trung vào yếu tố vật chất như cơ sở hạ tầng y tế, hệ thống y tế công cộng và tình trạng kinh tế xã hội tổng thể. Phép biện chứng duy vật nhấn mạnh vai trò của yếu tố vật chất trong quá trình phát triển xã hội và đặt nền tảng cho việc phân tích về cơ sở vật chất và quan hệ sản xuất liên quan đến dịch bệnh.

Cả hai phép biện chứng này có ý nghĩa quan trọng trong việc hiểu và đối phó với dịch bệnh Covid-19. Sự kết hợp giữa phân tích tư duy và ý thức (phép biện chứng duy tâm) cùng với phân tích cơ sở vật chất và quan hệ sản xuất (phép biện chứng duy vật) sẽ giúp ta có cái nhìn toàn diện và phức tạp về tình hình dịch bệnh và đưa ra các biện pháp hiệu quả để kiểm soát và chống lại nó.

**Câu 6:**Vấn đề cơ bản của triết học liên quan đến việc tìm hiểu và giải quyết các câu hỏi cốt lõi về sự tồn tại, ý nghĩa của cuộc sống, giá trị, hiện thực và tri thức. Triết học đặt ra những câu hỏi về bản chất của thế giới, về nguồn gốc và ý nghĩa của hiện tượng, về mối quan hệ giữa con người và thế giới xung quanh.

Vai trò của triết học trong đời sống là rất quan trọng và đa diện, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong các khía cạnh sau:

1. Định hình giá trị và ý thức: Triết học giúp con người xác định và định hình giá trị, niềm tin, quan điểm và ý thức cá nhân. Nó cung cấp cơ sở lý thuyết để đánh giá và định hướng hành động của chúng ta, đồng thời định rõ giới hạn và ý nghĩa của các giá trị và niềm tin đó.

2. Phân tích và hiểu sâu về thế giới: Triết học cung cấp các khái niệm, phương pháp và lý thuyết để phân tích và hiểu sâu về thế giới xung quanh chúng ta. Nó giúp chúng ta tìm hiểu về bản chất của hiện tượng, mối quan hệ giữa các yếu tố và nguyên nhân - hệ quả, từ đó tạo ra cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về thế giới và con người.

3. Đánh giá và phê phán xã hội: Triết học giúp chúng ta đánh giá và phê phán các giá trị, quy tắc và tổ chức xã hội hiện tại. Nó giúp chúng ta nhìn thấy những khía cạnh tích cực và tiêu cực của xã hội, nhận diện những bất bình đẳng, áp bức và vấn đề đạo đức, từ đó tạo động lực cho sự thay đổi và cải thiện xã hội.

4. Tạo ra hướng đi và ý nghĩa trong cuộc sống: Triết học cung cấp một khung lý thuyết để tìm kiếm ý nghĩa và mục tiêu trong cuộc sống. Nó giúp con người đối mặt với câu hỏi về

 ý nghĩa của cuộc sống, mục đích và hạnh phúc cá nhân, và tạo ra hướng đi và định hướng trong quá trình tự tìm kiếm ý nghĩa này.

Nhận thức của bản thân về vai trò của triết học trong đời sống là quan trọng để ta có thể tận dụng những lợi ích mà triết học mang lại. Bằng cách hiểu và trân trọng triết học, ta có thể sử dụng triết học như một công cụ để đánh giá, hiểu và cải thiện cuộc sống của chúng ta cũng như xã hội xung quanh.

**CHƯƠNG 2**

**Câu 2:** Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính thống nhất vật chất của thế giới. Những thành tựu của khoa học hiện đại chứng minh cho tính thống nhất vật chất của thế giới.

Thế giới vật chất thể hiện hết sức phong phú đa dạng, song những dạng biểu hiện của thế giới vật chất đều phản ánh bản chất của thế giới và thống nhất với nhau.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Theo quan điểm đó:

- Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất; thế giới vật chất là cái có trước, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người.

- Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô tận, vô hạn, không sinh ra, không mất đi.

- Mọi tồn tại của thế giới vật chất đều có mối liên hệ thống nhất với nhau, biểu hiện ở chỗ chúng đều là những dạng cụ thể của vật chất, là những kết cấu vật chất, có nguồn gốc vật chất, do vật chất sinh ra và cùng chịu sự chi phối của những quy luật khách quan, phổ biến của thế giới vật chất. Trong thế giới vật chất không có gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hóa lẫn nhau, là nguồn gốc, nguyên nhân và kết quả của nhau.

Bản chất vật chất và tính thống nhất vật chất của thế giới là kết luận được rút ra từ việc khái quát những thành tựu của khoa học, được khoa học và cuộc sống hiện thực của con người kiểm nghiệm. Nó không chỉ định hướng cho con người giải thích về tính đa dạng của thế giới mà còn định hướng cho con người tiếp tục nhận thức về tính đa dạng ấy để thực hiện quá trình cải tạo hợp quy luật.

Khoa học hiện đại đã chứng minh:

Theo sự phát triển ngày càng vượt trội của khoa học nó đã khẳng định một cách đầy đủ và toàn diện về tính thống nhất của vật chất như sau:

Sự ra đời của các phát minh vĩ đại của khoa học tự nhiên. Đó là, học thuyết tế

bào, học thuyết tiến hóa và định luật bảo toàn năng lượng, định luật về chuyển động của Newton.

Những thành tựu mới nhất của thiên văn học, cơ học lượng tử, thuyết tương đối,…. đã chứng minh tính thống nhất vật chất của thế giới.

**Câu 3:** Tại sao nói mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là vấn đề cơ bản của triết học? Thông qua mối liên hệ giữa vật chất và ý thức, anh (chị) rút ra được bài học gì trong thực tiễn nghiên cứu lĩnh vực khoa học chuyên ngành của anh chị ?

Vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là vấn đề cơ bản của triết học vì đây là vấn đề rộng nhất, chung nhất, có ý nghĩa nền tảng, định hướng và là điểm xuất phát để giải quyết tất cả các vấn đề còn lại. Tất cả hiện tượng trong thế giới này, dù là hiện tượng vật chất tồn tại bên ngoài và độc lập ý thức con người, hay những hiện tượng thuộc tinh thần, ý thức của con người… tất thảy cho đến nay vẫn không phải là hiện tượng gì khác nằm ngoài vật chất và ý thức. Do mối quan hệ giữa vật chất và ý thức bao trùm mọi sự vật hiện tượng trong thế giới, từ đó để giải quyết được các vấn đề chuyên sâu của từng học thuyết về thế giới thì câu hỏi đặt ra đối với triết học trước hết vẫn là: Thế giới tồn tại bên ngoài tư duy con người có quan hệ như thế nào với thế giới tinh thần tồn tại trong ý thức con người? Con người có khả năng hiểu biết đến đâu về sự tồn tại của thế giới? Bất kỳ trường phái triết học nào cũng không thể lảng tránh giải quyết vấn đề này - mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại và tư duy. Chính vì vậy, vấn đề này là vấn đề cơ bản của triết học.

**Câu 5:** Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Vận dụng quy luật này để phân tích một mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống.

Ví dụ như trong hoạt động kinh tế thì sản xuất và tiêu dùng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau với nhau. Sản xuất chính là việc tạo ra của cải vật chất, sản phẩm để có thể đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Còn tiêu dùng là mục đích cuối cùng của việc sản xuất, tất cả những sản phẩm được sản xuất đều cần có người tiêu dùng.

Sản xuất là việc tạo ra sản phẩm và là đối tượng có thể cung cấp cho việc tiêu dùng. Nếu như không có quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm tiêu dùng thì sẽ không thể có tiêu dùng.

Sản xuất quy định phương thức tiêu dùng, tạo ra cho đối tượng cho tiêu dùng, đây không phải là đối tượng nói chung mà là đối tượng nhất định do bản thân sản xuất làm môi giới cho người tiêu dùng.

Do đó sản xuất không chỉ là đối tượng của người tiêu dùng mà nó còn quyết định về phương thức tiêu dùng. Sản xuất cung cấp các sản phẩm cho người tiêu dùng và tạo ra nhu cầu cho người tiêu dùng. Điều ày có nghĩa là chỉ khi sản xuất ra một loại sản phẩm nào đó thì mới tạo ra nhu cầu tiêu dùng đối với sản phẩm đó.

Do vậy có thể thấy được rằng sản xuất và tiêu dùng là sự thống nhất của hai mặt đối lập, chúng có tính chất tương đồng và có mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau từ đó dạo điều kiện cho nhau cùng chuyển hóa, cùng phát triển.

**Câu 6:**

Lấy ví dụ về vấn đề sử dụng các loại túi nhựa một lần sử dụng.

Theo quan điểm toàn diện, chúng cần xem xét nhiều yếu tố và quan điểm liên quan đến vấn đề này. Điều này bao gồm tác động của việc sử dụng túi nhựa một lần sử dụng đối với môi trường và hệ sinh thái, cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Khi ta xem xét khía cạnh thì không chỉ có tác động môi trường, còn nhìn từ góc độ kinh tế và xã hội cũng là một phần quan trọng. Ví dụ, việc sản xuất và tiêu thụ túi nhựa một lần sử dụng có thể tạo ra mất cân đối về tài nguyên và gây thải CO2. Chúng ta cũng cần xem xét các giải pháp thay thế và khía cạnh văn hóa tiêu dùng để hiểu mối quan hệ phức tạp của vấn đề này.

Qua việc nghiên cứu lịch sử cụ thể của việc sử dụng túi nhựa một lần sử dụng, chúng ta có thể hiểu nguồn gốc và tiến triển của vấn đề. Điều này bao gồm việc theo dõi chính sách và quy định liên quan đến túi nhựa, xu hướng tiêu dùng thay đổi và các nỗ lực của các tổ chức và cá nhân để giảm sử dụng túi nhựa. Việc hiểu lịch sử của vấn đề giúp ta nhận ra cách thức và quy mô mà vấn đề này đã phát triển trong quá khứ.

Quan điểm phát triển giúp chúng ta xem xét các giải pháp và phương pháp phát triển để giải quyết vấn đề túi nhựa một lần sử dụng. Điều này bao gồm việc xem xét các công nghệ tái chế túi nhựa, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các vật liệu thân thiện môi trường, và khuyến khích thay đổi hành vi tiêu dùng thông qua giáo dục và chính. Quan điểm phát triển giúp chúng ta nhìn nỗ lực để giải quyết vấn đề túi nhựa một lần sử dụng.

Bằng cách áp dụng quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể và quan điểm phát triển, chúng ta có thể có một cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề túi nhựa một lần sử dụng. Điều này giúp ta hiểu rõ hơn về tác động của việc sử dụng túi nhựa và tìm ra các giải pháp bền vững để giải quyết vấn đề này.

9.Nội dung phép biện chứng duy vật. Việc vận dụng phép biện chứng duy vật vào hoạt động thực tiễn của con người (Có thể làm bất kỳ nội dung nào trong 11 nội dung thuộc 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù).

**Câu 7:**Vận dụng nguyên tắc thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vào công tác cải tạo xã hội Việt Nam từ khi đổi mới đến nay là một quá trình lâu dài, phức tạp và đa dạng. Tuy nhiên, có thể nói rằng, trong suốt quá trình này, Đảng và Nhà nước ta đã luôn dựa vào triết học Mác-Lênin, học tập và tiếp thu tư tưởng tiến bộ của nhân loại, đề ra những mục tiêu, phương hướng và chính sách chỉ đạo chính xác, đúng đắn để xây dựng và phát triển xã hội, phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

Những nội dung của công cuộc đổi mới bao gồm:

+ Đổi mới về nhận thức: Từ việc nhận thức sai lầm về kinh tế thị trường, xã hội chủ nghĩa, vai trò của Nhà nước… sang việc nhận thức đúng đắn về những vấn đề này, qua các Nghị quyết của Đảng.

+ Đổi mới về hoạt động thực tiễn: Từ việc áp dụng một cách cứng nhắc và không phù hợp các mô hình kinh tế-xã hội của Liên Xô và các nước Đông Âu sang việc xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; từ việc bảo thủ và cô lập sang việc mở cửa và hội nhập quốc tế; từ việc bất công và thiếu dân chủ sang việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và tiến bộ.

Những thành tựu cơ bản của đổi mới bao gồm:

+ Về nhận thức: Sau 20 năm đổi mới, với sự phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn. Hoàn thiện và phát triển hơn nữa niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; việc xây dựng được một chiến lược quốc gia toàn diện; việc khẳng định được vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Về hoạt động thực tiễn: Sau 20 năm đổi mới, kinh tế-xã hội Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc. Giải quyết được nguy cơ suy thoái kinh tế; việc duy trì được tốc độ tăng trưởng cao; việc giảm được tỷ lệ người nghèo; việc cải thiện được điều kiện sống của nhân dân; việc phát triển được các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, …

**Câu 8:**Trong công cuộc đổi mới đất nước, việc vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức đã có sự ảnh hưởng to lớn trong quá trình phát triển xã hội Việt Nam. Nhận thức rằng vật chất và ý thức có mối quan hệ tương tác và tác động lẫn nhau, các chính sách và biện pháp cải tổ xã hội đã được thiết kế dựa trên nguyên tắc này.

1. Kinh tế: Qua việc chuyển từ mô hình kinh tế trữ lượng đến kinh tế thị trường, Việt Nam vận dụng nguyên tắc này để tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế. Việc đẩy mạnh đầu tư vào các ngành sản xuất, các dịch vụ công và công nghiệp tiếp thị đã tạo ra nhiều công việc mới và gia tăng thu nhập cho người dân. Đồng thời, nhận thức về tầm quan trọng của ý thức trong việc thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới kinh tế đã khuyến khích doanh nghiệp và cá nhân phát triển và áp dụng công nghệ mới, tạo nên sự tiến bộ và tăng trưởng.

2. Giáo dục: Trong công tác cải tổ xã hội, vận dụng nguyên tắc này trong lĩnh vực giáo dục giúp nâng cao nhận thức của người dân và xóa bỏ những quan niệm lạc hậu. Giáo dục giúp định hình tư duy phân loại, khuyến khích tư duy sáng tạo và kỹ năng phân tích, giúp học sinh và sinh viên hình thành nhân cách và trở thành công dân có ý thức công cuộc cải tổ xã hội.

3. Chính trị và xã hội: Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong chính trị và xã hội đóng vai trò quan trọ trong công cuộc đổi mới đất nước. Sự nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của ý thức trong việc xây dựng một xã hội kết hợp với việc đẩy mạnh công tác phát triển kinh tế và xã hội đã tạo ra môi trường thuận lợi.

**Câu 9:** Theo quy luật phủ định của phủ định

Một con gà mái được coi là cái khẳng định nhưng khi con gà mái đó đẻ trứng thì quả trứng được coi là cái phủ định của con gà. Sau đó quả trứng trải qua thời gian vận động và phát triển thì quả trứng lại nở thành gà con. Vậy gà con lúc này được coi là cái phủ định của phủ định mà phủ định của phủ định sẽ trở thành cái khẳng định. Sự vận động và phát triển này luôn diễn ra liên tục vận động và phát triển có tính chu kỳ.

**Câu 11:**  Như những ví dụ trong đánh giá một con người với những mặt khác nhau phản ánh trong con người họ. Không thể chỉ thực hiện quan sát phiến diện từ những thể hiện bên ngoài để đánh giá tính cách hay thái độ, năng lực của họ. Cũng không thể chỉ dựa trên một hành động để phán xét con người và cách sống của họ.

Khi đánh giá, cần có thời gian cho sự quan sát tổng thể. Từ những phản ánh trong bản chất con người, các mối quan hệ của người này với người khác. Cách cư xử cũng như việc làm trong quá khứ và hiện tại. Những nhìn nhận và đánh giá trên từng khía cạnh và kết hợp với nhau sẽ cho ra những quan điểm toàn diện. Từ đó mà cách nhìn nhận một người được thực hiện hiệu quả với các căn cứ rõ ràng. Nó không phải là những thứ phù phiếm của nhận định. Chỉ khi hiểu hết về người đó bạn mới có thể đưa ra các nhận xét.

**Câu 13:**

Cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phủ định biện chứng được xem là một phương pháp lý luận và luận điểm quan trọng trong triết học Mác-Lênin. Dưới đây là phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc này, cùng với việc vận dụng nó vào việc nhận thức và thể hiện văn hóa đời sống trong xã hội Việt Nam hiện nay:

Vận dụng nguyên tắc phủ định biện chứng vào việc nhận thức và thể hiện văn hóa đời sống trong xã hội Việt Nam hiện nay:

   - Trên mặt nhận thức, nguyên tắc phủ định biện chứng yêu cầu chúng ta nhìn nhận và phân tích mâu thuẫn, phản đối và sự đấu tranh trong xã hội Việt Nam. Điều này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các vấn đề xã hội, nhận thức được sự phát triển và thay đổi, và đánh giá một cách đa chiều các yếu tố và lực lượng tác động đến cuộc sống và văn hóa.

   - Trên mặt thể hiện văn hóa, nguyên tắc phủ định biện chứng khuyến khích sự đa dạng và sáng tạo. Điều này khuyến khích mọi người thể hiện và truyền đạt quan điểm, giá trị và tư tưởng riêng của họ thông qua nghệ thuật, văn hóa và các hoạt động sáng tạo khác. Đồng thời, nó cũng đòi hỏi chúng ta hiểu và đối xử với sự đa dạng trong văn hóa, giá trị và quan điểm của những người khác.

Việc áp dụng nguyên tắc phủ định biện chứng trong nhận thức và thể hiện văn hóa đời sống của bản thân là một quá trình liên tục và phức tạp. Tuy nhiên, điều quan trọng là nắm vững cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc này để có một cái nhìn sâu sắc và đa chiều về xã hội và văn hóa, và từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển và tiến bộ của xã hội Việt Nam.

**Câu 14:**

Đầu tiên, trong sự vận động và phát triển phải biết tích lũy về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất không được nôn nóng cũng như không được bảo thủ. Quá trình học tập phải được tích lũy từ từ, đầy đủ kiến thức, hoàn thiện kỹ năng; không được bỏ qua kiến thức cơ bản. Việc bỏ bước trong tích luỹ sẽ dẫn đến sự không hoàn thiện về độ, việc thực hiện bước nhảy sẽ không thành công và không thể hình thành chất mới. Ví dụ, nếu bạn hổng kiến thức cơ bản ở bậc tiểu học, bạn sẽ không thể thực hiện bước nhảy để được học ở cấp trung học. Nếu bạn cố thực hiện bước nhảy, tức là bạn vượt qua điểm nút một cách ép buộc, chất mới được hình thành nhưng nó không là vận dụng theo quy luật lượng – chất. Những sự thay đổi về chất do thực hiện bước nhảy gây nên chỉ xảy ra khi lượng đã thay đổi đến nút, độ được hoàn thiện từ sự tích luỹ đầy đủ về chất.

Bên cạnh, dù rằng sự phát triển và vận động của sự vật, hiện tượng là việc liên tục

thực hiện các bước nhảy, bạn phải chú ý đến độ trong quá trình thay đổi của lượng,

không vội vàng mà bỏ bước. Tư tưởng bảo thủ ngăn bạn không dám vượt qua điểm

nút. Như là một kỳ thi học sinh giỏi, mặc dù bạn có đủ kiến thức được tích lũy để tham

gia kỳ thi, nhưng lại không đủ tự tin để thực hiện bước nhảy, thì quá trình tích luỹ đó

chỉ được xem là tích lũy về lượng mà không có sự thay đổi về chất.

Bạn phải nhận thức được mối liên kết giữa các yếu tố tạo nên sự vật, hiện tượng để

lựa chọn phương pháp tích lũy phù hợp, đẩy nhanh tiến độ tích luỹ, kèm theo chất

lượng của độ. Vận dụng được mối liên kết đó sẽ giúp bạn hiểu rõ bản chất, quy luật

của chất, nâng cao chất lượng của độ.

**Câu 15:** Triết học Mác-Lênin quan tâm đến mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Theo quan điểm này, vật chất được coi là cơ sở cung cấp điều kiện và nguồn gốc cho ý thức, trong khi ý thức không độc lập mà phản ánh, phản ứng và tương tác với thế giới vật chất.

Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức theo triết học Mác-Lênin không phải là một quan hệ đơn giản mà là một mối quan hệ tương đối phức tạp và tương đối. Ý thức được hình thành và phát triển thông qua quá trình tương tác với thế giới vật chất. Ý thức không chỉ đơn thuần phản ánh thực tế mà còn có khả năng tạo ra sự sáng tạo, phản đối và tác động trở lại vật chất.

Trong việc học online hiện nay, yêu cầu phát huy tính năng động chủ quan của ý thức đóng vai trò quan trọng. Việc học online đòi hỏi sự chủ động, sáng tạo và tự quản lý của người học. Người học phải có khả năng tổ chức và quản lý thời gian, tương tác với nội dung học và tìm hiểu một cách tích cực.

Tính năng động chủ quan của ý thức trong việc học online có thể bao gồm:

1. Tự chủ và tự quản: Người học cần tự chủ động lập kế hoạch học tập, đặt mục tiêu và tổ chức thời gian để học một cách hiệu quả.

2. Sáng tạo và khám phá: Học online đòi hỏi người học khám phá và tìm hiểu nội dung một cách sáng tạo. Người học có thể tìm kiếm tài liệu, tham gia các diễn đàn trực tuyến, và tạo ra các phương pháp học phù hợp với bản thân.

3. Tương tác và giao tiếp: Mặc dù học online có tính chất độc lập, nhưng người học vẫn có thể tương tác và giao tiếp với giảng viên và các bạn học thông qua các công cụ trực tuyến như diễn đàn, cuộc trò chuyện, hay video họp trực tuyến.

Tổng quan, trong việc học online hiện nay, yêu cầu phát huy tính năng động chủ quan của ý thức là rất quan trọng. Người học cần sử dụng khả năng sáng tạo, tự quản lý và tương tác để nắm bắt kiến thức và phát triển bản thân trong môi trường học tập trực tuyến.

**Câu 16:**

Cơ sở triết học của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam có thể được liên kết với nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong triết học Mác-Lênin. Nguyên lý này cho rằng không có quốc gia nào tồn tại độc lập hoàn toàn mà tất cả các quốc gia đều có mối quan hệ, tương tác và phụ thuộc vào nhau trong quá trình phát triển xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam là tất yếu và không thể tránh khỏi. Việt Nam đã tiến hành mở cửa kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế thế giới để khai thác và tận dụng các lợi ích từ quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại với các quốc gia khác.

Thực tế cho thấy quá trình hội nhập quốc tế đã đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam, bao gồm:

1. Mở cửa thị trường: Việt Nam có cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn, tăng cường xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Chuyển giao công nghệ: Việt Nam học hỏi và áp dụng công nghệ tiên tiến từ các quốc gia khác, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế.

3. Nâng cao trình độ nguồn nhân lực: Hội nhập quốc tế cung cấp cơ hội đào tạo và học tập cho người lao động Việt Nam, nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng của lao động, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động quốc tế.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rõ rằng quá trình hội nhập quốc tế không chỉ mang lại lợi ích mà còn đặt ra nhiều thách thức và vấn đề cần giải quyết. Một số thực trạng và phương hướng giải quyết có thể được đề cập như sau:

1. Ung thư kinh tế: Một số doanh nghiệp trong quá trình hội nhập gặp khó khăn và không cạnh tranh được, dẫn đến tình trạng ung thư kinh tế. Để giải quyết vấn đề này, cần tăng cường nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2. Mất cân đối phát triển: Quá trình hội nhập có thể gây ra mất cân đối trong phát triển kinh tế và xã hội. Cần tăng cường phát triển kinh tế ở các khu vực nông thôn và miền núi, đảm bảo rằng lợi ích của quá trình hội nhập được chia sẻ đồng đều và bền vững.

3. Bảo vệ môi trường: Hội nhập quốc tế có thể gây ra các vấn đề về môi trường như ô nhiễm, suy thoái tài nguyên. Cần áp dụng công nghệ sạch, tăng cường quản lý và kiểm soát môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

4. Đào tạo và nâng cao nhân lực: Để tận dụng tối đa lợi ích từ quá trình hội nhập, cần đầu tư vào đào tạo và nâng cao trình độ nguồn nhân lực, đặc biệt là trong các lĩnh vực có nhu cầu cao và tiềm năng phát triển.

Tóm lại, cơ sở triết học của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam có nguồn gốc từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. Quá trình này tất yếu đối với Việt Nam và đã mang lại lợi ích đáng kể. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức và giải quyết những thách thức và vấn đề hiện tại để đảm bảo quá trình hội nhập mang lại sự phát triển bền vững và hòa nhập trong cộng đồng quốc tế.

**Câu 17:**

Quan hệ giữa vật chất và ý thức là một khía cạnh quan trọng trong triết học Mác-Lênin. Theo quan điểm này, vật chất đóng vai trò quyết định và tác động chủ động đến ý thức. Vật chất, bao gồm điều kiện kinh tế, xã hội, và môi trường tồn tại, tác động lên ý thức con người thông qua quá trình sản xuất vật chất và quan hệ xã hội. Ý thức, trong trường hợp này, bao gồm tư tưởng, ý niệm, quan điểm, giá trị và nhận thức của con người.

Mục tiêu của bản thân bạn 10 năm sau là mục tiêu cá nhân và có thể được xác định dựa trên cả yếu tố khách quan và chủ quan. Dưới đây là cơ sở và yêu cầu cần có trên hai phương diện này:

Phương diện khách quan:

1. Đánh giá và hiểu rõ về điều kiện vật chất hiện tại: Xác định tình hình hiện tại của môi trường xã hội, kinh tế, và xã hội, bao gồm cả cơ hội và thách thức mà bạn đang đối mặt.

2. Xác định xu hướng phát triển của xã hội: Nắm bắt xu hướng và sự phát triển của xã hội trong tương lai, bao gồm cả những thay đổi trong lĩnh vực công nghệ, kinh tế, và xã hội.

3. Đánh giá và sử dụng lợi thế cạnh tranh: Xác định và sử dụng những lợi thế cá nhân, bao gồm kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm để định hình kế hoạch hành động.

Phương diện chủ quan:

1. Xác định và thúc đẩy tinh thần tự giác và động lực cá nhân: Đặt mục tiêu rõ ràng và phát triển động lực cá nhân để đạt được mục tiêu trong tương lai.

2. Xác định và phát triển kỹ năng và kiến thức cá nhân: Đầu tư vào việc học tập, rèn luyện và phát triển các kỹ năng cá nhân liên quan đến mục tiêu của bạn.

3. Xây dựng mạng lưới xã hội và hỗ trợ: Xác định và tạo dựng các mối quan hệ xã hội tích cực để tận dụng được cơ hội và nhận được hỗ trợ trong quá trình đạt được mục tiêu.

4. Tạo kế hoạch và hành động: Xây dựng kế hoạch chi tiết và xác định các bước hành động cụ thể để đạt được mục tiêu trong tương lai.

Tóm lại, để đạt được mục tiêu của bạn 10 năm sau, cần có một cơ sở vững chắc trên cả phương diện khách quan và chủ quan. Bằng cách xác định và sử dụng những yếu tố khách quan và chủ quan này, bạn có thể xây dựng một kế hoạch hành động hiệu quả để tiến đến mục tiêu của mình.

**21.Phủ định biện chứng và vận dụng quy luật này để kế thừa di sản văn hóa dân tộc trong trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.**

Câu 8 (chữ nhỏ) Phủ định biện chứng là sự phủ định…..

Khái niệm phủ định dùng để chỉ sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác, giai đoạn vận động, phát triển này bằng giai đoạn vận động, phát triển khác. Theo nghĩa đó, không phải bất cứ sự phủ định nào cũng dẫn tới quá trình phát triển.

+ Khái niệm phủ định biện chứng dùng để chỉ sự phủ định tạo ra những điều kiện, tiền đề phát triển của sự vật.

Ví dụ, quá trình “hạt giống nảy mầm”. Trong trường hợp này: cái mầm ra đời từ cái hạt; sự ra đời của nó là sự phủ định biện chứng đối với cái hạt, nhờ đó giống loài này tiếp tục quá trình sinh tồn và phát triển.

Phủ  định  biện  chứng là  quá trình  phủ  định bao  hàm trong nó  những nhân tố tích cực của cái bị phủ định. Vì vậy, phủ định biện chứng mang tính kế thừa những yếu tố tích cực và gạt bỏ những yếu tố không phù hợp với sự phát triển của cái mới. Song, khi vận dụng quan điểm phủ định của phủ định vào đời sống thực tiễn để xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng đã có những quan điểm xem xét sự vật và hiện tượng một cách cứng nhắc, siêu hình hoặc là xóa bỏ tất cả hoặc là kế thừa một cách nguyên si. Hơn bất cứ lĩnh vực nào, lĩnh vực văn hóa ở nước ta trước đổi mới đã có những quan điểm chỉ đạo và cách làm chưa đúng. Và hệ quả là nhiều di sản văn hóa của dân tộc bị xâm hại và phá hỏng, nền văn hóa dân tộc bị tổn thất lớn. Chúng ta nói về phủ định biện chứng, song chưa hiểu và chưa nắm được thực chất của nó.

Hiện  nay,  bên  cạnh  nhiệm  vụ  phát  triển  kinh  tế  -  xã  hội,  chúng  ta phải xây dựng một nền văn hóa mới, phù hợp với yêu cầu của thời đại, phù hợp với thực tiễn của đất nước. Ngày nay trước xu thế toàn cầu hóa, hợp tác hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội giúp cho chúng ta có cơ hội để tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc mình. Hơn nữa, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì vấn đề giữ gìn nền văn hóa mang  đậm tính  dân  tộc  ngày càng  trở  nên  đặc  biệt  quan trọng. Bên cạnh những  mặt  tích  cực,  mặt  trái  của  kinh tế  thị trường đã  và  đang làm chao đảo nhiều giá trị tinh thần nói chung, nhân cách con người nói riêng. Đặc biệt,  một số giá trị  đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng vốn có  vị trí quan trọng trong hệ thống giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam đang có nguy cơ bị mai một và tha hóa.

Việc vận dụng quy luật phủ định biện chứng để kế thừa di sản văn hóa dân tộc trong sự nghiệp đ hiện nay mang ý nghĩa quan trọng để bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Quy luật phủ định biện chứng, được phát triển bởi K. Marx và F. Engels, khẳng định rằng mọi sự tồn tại và phát triển đều chứa đựng sự phản đối, xung đột, và phủ định của các yếu tố nội tại bên trong. Trong bối cảnh đổi mới ở Việt Nam, việc vận dụng quy luật này có thể áp dụng như sau:

1. Đối nghịch và phủ định di sản văn hóa cũ: Việc đổi mới đòi hỏi phải nhìn nhận, đối nghịch và phủ định các yếu tố văn hóa cũ để tạo điều kiện cho sự thay đổi và phát triển. Điều này có thể áp dụng bằng cách đánh giá các giá trị văn hóa truyền thống và học điểm mạnh và yếu của chúng để xác định việc cải cách và phát triển văn hóa dân tộc.

2. Kế thừa và phát huy di sản văn hóa dân tộc: Việc kế thừa di sản văn hóa dân tộc không nghĩa là chỉ khắc phục và tái hiện nguyên vẹn mà còn phải xem xét, tách biệt và phát triển tích cực từ những giá trị đó. Điều này có thể được thể hiện qua việc khai thác và sáng tạo các hình thức, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa để áp dụng và phát triển trong những ngữ cảnh đương đại.

3. Đối xử tương đương và giao thoa văn hóa: Kế thừa và phát triển di sản văn hóa dân tộc phải xy luật phủ định biện chứng bằng cách tạo điều kiện cho giao thoa và hòa nhập với các yếu tố vn hóa khác. Việc cảm nhận và tạo cầu nối giữa các yếu tố văn hóa khác nhau, bảo tồn và thể hiện giá trị đa dạng văn hóa là cần thiết để phát triển sự đa dạng và sáng tạo trong di sản văn hóa dân tộc.

Tổng quan, việc vận dụng quy luật phủ định biện chứng trong việc kế thừa di sản văn hóa dân tộc trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay giúp bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền th, đồng thời tạo điều kiện cho sự đổi mới và phát triển bền vững theo hướng đa dạng và sáng tạo.

**22.Vận dụng quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử-cụ thể của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến phân tích chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta.**

Bước vào thời kì đổi mới (từ đại hội VI năm 1986) Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận ra được nhiều hạn chế trong các hoạt động nhận thức và chỉ đạo trước đó của mình. Nguyên nhân là chưa biệt vận dụng, hoặc là vận dụng một cách giáo điều máy móc học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm trên (quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử). Thay đổi đầu tiên diễn ra từ trong nhận thức,Đảng ta đã ý thức được sâu sắc rằng, cách mạng là sáng tạo, chân lý cụ thể. Nguyên tắc “phân tích cụ thể trong một tình hình cụ thể” như là bản chất là kinh hồn của chủ nghĩa Mác đã được tích cực vận dụng như một nguyên tắc phương pháp luận khoa học trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Đảng. Đảng nhấn mạnh hơn nhiều đến sự cần thiết phải nắm vững các nguyên tắc và phương pháp luận biện chứng duy vật và phân tích, đánh giá thực tiễn, phải thấm nhuần nguyên tắc toàn diện và nguyên tắc lịch sử cụ thể trong nghiên cứu, nhận định tình hình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa,xã hội, công tác lý luận, khoa học, giáo dục, để vận dụng tốt hơn vào xây dựng đất nước.

Vận dụng nguyên tắc toàn diện và nguyên tắc lịch sử cụ thể của trong phép biện chứng duy vật đã giúp đất nước chúng ta đạt được những thành tựu trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội. Vận dụng phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa duy vật về quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể Đảng đã đổi mới tư duy lý luận về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bắt đầu từ đại hội VI (1986) Đảng ta đã đề ra phương hướng đổi mới toàn diện và dần hoàn thiện qua các kỳ đại hội đại hội đổi đường lối đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, cho phép và khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể phát triển, chủ ý đảm bảo hợp lý lợi ích cá nhân làm động lực trực tiếp cho phát triển kinh tế, điều chỉnh cơ cấu kinh tế vĩ mô, sắp xếp lại các lĩnh vực và khu vực sản xuất chính, có chính sách biến đổi dịch vụ sản xuất kinh doanh và đời sống là đời sống thành một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế, do đất nước đã xây dựng được nền kinh tế có cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp – dịch vụ tương đối hợp lý, gắn liền với trong nước và thị trường quốc tế.

Từ những yếu kém, không thành công do nhiều nguyên nhân khác nhau của nền công nghiệp hóa trước khi đổi mới, Đảng ta đã nhận thức rõ hơn về tính tất yếu,mô hình, mục tiêu, của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa là sự chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế xã hội từ sử dụng công cụ lao động đơn giản là chính sang dùng công nghệ lao động có công nghệ cao với phương tiện và phương pháp sản xuất tiên tiến, hiện đại có khả năng vượt trội. Đó là quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải biến xã hội nông nghiệp lạc hậu nước ta thành xã hội công nghiệp, hiện đại hoá.

Vận dụng quan điểm lịch sử - cụ thể từ năm 1930, Đảng ta đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội,Đảng ta đã đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; thực hiện tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế xã hội tăng cường quốc phòng an ninh; bảo vệ và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Vận dụng nguyên tắc lịch sử - cụ thể để giải quyết thỏa đáng vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân và kết nạp người làm kinh tế tư nhân vào Đảng. Ở đây rõ ràng là phải có cách tiếp cận toàn diện. Một mặt, Đảng kiên trì nguyên tắc đảng viên phải là người lao động, không bóc lột, một khác, Đảng đã xem xét các điều kiện cụ thể, tính đến những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn để cho phép và hướng dẫn, tạo điều kiện cho đảng viên làm người làm kinh tế tư nhân giỏi, giải quyết việc làm cho người lao động,mang lại lợi ích cho xã hội, làm giàu chính đáng cho bản thân, tuân thủ pháp luật, gia nhập Đảng Cộng sản.

**23.Từ nội dung quy luật mâu thuẫn của Chủ nghĩa Mác-Lênin hãy chỉ ra những mâu thuẫn và giải pháp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.**

Quy luật mâu thuẫn là một trong những quy luật cơ bản trong phép biện chứng duy vật và biện chứng duy vật lịch sử khẳng định về: mọi sự vật hay hiện tượng ở trong tự nhiên đều có sự tồn tại và mâu thuẫn bên trong. Quy luật mâu thuẫn còn được gọi là quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Quy luật mâu thuẫn là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (quy luật mâu thuẫn) chỉ ra nguồn gốc, động lực bên trong của sự vận động, phát triển. Nắm vững được nội dung của quy luật này tạo cơ sở cho việc nhận thức các phạm trù và quy luật khác của phép biện chứng duy vật; đồng thời giúp hình thành phương pháp tư duy khoa học, biết khám phá bản chất của sự vật, hiện tượng và giải quyết mâu thuẫn nảy sinh.

Quy luật mâu thuẫn của Chủ nghĩa Mác-Lênin nhấn mạnh sự tương đối và tương quan giữa các yếu tố trong xã hội và những mâu thuẫn giữa chúng. Khi áp dụng quy luật này vào tăng trưởng kinh tế, có một số mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội:

1. Mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội: Tăng trưởng kinh tế có thể mang lại lợi ích về kinh tế như tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, nó không đảm bảo đầy đủ tiến bộ xã hội tổng thể. Kinh tế có thể phát triển mà không đồng điệu với sự phát triển của giáo dục, công nghệ, môi trường và quyền lợi công dân. Điều này tạo ra mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, trong đó tăng trưởng kinh tế không đảm bảo sự tiến bộ xã hội.

2. Mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội: Tăng trưởng kinh tế không đồng nghĩa với sự công bằng xã hội. Trong một hệ thống kinh tế chủ nghĩa tư bản, tăng trưởng kinh tế thường tạo ra sự chênh lệch giàu nghèo và chia rẽ xã hội. Những lợi ích của tăng trưởng kinh tế có thể tập trung vào một số ít người giàu có và không đến được với những người nghèo và những tầng lớp bị bắt đầu. Điều này tạo ra mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, trong đó không đảm bảo rằng mười đu được hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế một cách công bằng.

Giải pháp để giảm các mâu thuẫn này bao gồm tạo ra một hệ thống kinh tế và chính trị công bằng hơn, trong đó những đóng góp của tất cả các thành viên trong xã hội được công nhận và đánh giá cao. Điều này có thể đạt được bằng cách xây dựng một nền kinh tế dựa trên nguyên tắc của kinh tế học căn bản và tránh tập trung quyền lực và tài nguyên vào một số ít cá nhân hoặc tập đoàn. Cũng cần đảm bảo sự đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, công nghệ và phát triển môi trường để đảm bảo tiến bộ xã hội và sự công bằng.

**Chương 3:**

**Câu 1:**

Liên hệ với thực tiễn quá trình phát triển quá độ ở Việt Nam hiện nay.

 Thứ nhất, Cơ sở hạ tầng trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay bao gồm các kiểu quan hệ sản xuất gắn liền với các hình thức sở hữu khác nhau. Các hình thức sở hữu đó tương ứng với các thành phần kinh tế khác nhau, thậm chí đối lập nhau, nhưng cùng tồn tại trong một cơ cấu kinh tế thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

 Ở Việt Nam hiện nay, các hình thức sở hữu cơ bản gồm sở hữu nhà nước (hay sở hữu toàn dân, trong đó nhà nước là đại diện của nhân dân), sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Các thành phần kinh gồm kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh tế tư nhân; kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài.

VD: 1. Kinh tế nhà nước: Tiêu biểu là các tập đoàn Viettel, PVN, EVN, Vietnam

Airline, Vinamilk…

 2. Kinh tế tập thể, hợp tác xã: Tiêu biểu là các hợp tác xã nội nghiệp, công

nghiệp ở các địa phương.

 3. Kinh tế tư nhân: Tiêu biểu là các tập đoàn Vingroup, FLC, Masan, Vietjet…

 4. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Tiêu biểu là Toyota Vietnam, Hyundai

Vietnam…

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo,kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế, các thành phần kinh tế khác được khuyến khích phát triển hết mọi tiềm năng**.**

Thứ hai, Trong xây dựng kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước

Việt Nam đã khẳng định:

● Lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.Xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa mang tính chất giai cấp công nhân, do đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm để nhân dân là người làm chủ xã hội.

● Các tổ chức, bộ máy thuộc hệ thống chính trị như Đảng Cộng sản, Quốc hội,Chính phủ, quân đội, công an, tòa án, ngân hàng… không tồn tại vì lợi ích của riêng nó mà là để phục vụ nhân dân, thực hiện cho được phương châm mọi lợi ích, quyền lực đều thuộc về nhân dân.

Mỗi bước phát triển của cơ sở hạ tầng hoặc kiến trúc thượng tầng là một

bước giải quyết mâu thuẫn giữa chúng.

Nói tóm lại, việc phát triển và củng cố cơ sở hạ tầng, điều chỉnh và củng cố các bộ phận của kiến trúc thượng tầng là một quá trình lâu dài, gian khổ, diễn ra trong suốt thời kỳ quá độ.

**Câu 2:**

Trong triết học Mác-Lênin, hai khái niệm quan trọng liên quan đến con người là "tha hóa" và "giải phóng con người". Dưới đây là giải thích về hai khái niệm này:

1. Tha hóa :

Tha hóa được hiểu là quá trình mà con người mất đi sự tự chủ và sự kết nối với bản thân, công việc và cộng đồng. Theo Mác, tha hóa xảy ra trong xã hội sản xuất hàng hóa và các hình thức tổ chức xã hội khác nhau. Tha hóa xuất hiện khi con người trở thành công cụ trong quá trình sản xuất, bị chia cắt với sản phẩm lao động của mình và không kiểm soát được quá trình sản xuất. Tha hóa cũng xuất hiện khi con người không còn kiểm soát được quyết định về cuộc sống và không được thể hiện đầy đủ tiềm năng của mình.

2. Giải phóng con người :

Giải phóng con người là mục tiêu cuối cùng trong triết học Mác-Lênin. Nó đề cập đến quá trình loại bỏ tha hóa và tạo ra điều kiện để con người tự do phát triển và thể hiện tiềm năng của mình. Theo Mác-Lênin, giải phóng con người đòi hỏi sự cải tổ xã hội, trong đó mọi cá nhân được coi là nguyên tắc cơ bản của xã hội và có quyền tự do và công bằng. Giải phóng con người đòi hỏi thay đổi cấu trúc xã hội, loại bỏ sự chia cắt và phi lợi nhuận trong quá trình sản xuất, và xây dựng một xã hội dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

Trên thực tế, việc giải phóng con người trong triết học Mác-Lênin có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Nó đặt trọng tâm vào việc loại bỏ sự bất công, chia cắt và áp bức, để tạo ra một môi trường thúc đẩy sự phát triển và tự do của con người. Qua đó, giải phóng con người không chỉ mang tính chất cá nhân mà còn liên quan đến việc xây dựng một xã hội với sự tiến bộ chung và sự phát triển toàn diện của tất cả các thành viên trong xã hội.

**Câu 3: Phân tích nội dung và kết cấu của lực lượng sản xuất. Tại sao nói, trong thời đại ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội ? Vận dụng quan điểm đã nêu trên để giải thích hoạt động công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.**

- Lực lượng sản xuất là phương thức kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, tạo ra sức sản xuất và năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

- Lực lượng sản xuất gồm: người lao động và tư liệu sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện trình độ phát triển của các yếu tố tạo nên kết cấu lực lượng sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất tự biến đổi theo chiều hướng ngày càng hoàn thiện.

 + Người lao động là con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất, là chủ thể, là lực lượng sản xuất hàng đầu quyết định toàn bộ quá trình sản xuất vật chất trong mọi thời đại. Do đó, người lao động là con người có tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động và năng lực sáng tạo nhất định trong quá trình sản xuất của xã hội.

+ Tư liệu sản xuất bao gồm tư liệu lao động và đối tượng lao động.

+ Đối tượng lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất mà lao động con người dùng tư liệu lao động tác động lên, nhằm biến đổi chúng cho phù hợp với mục đích sử dụng của con người.

+ Tư liệu lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất mà con người dựa vào đó để tác động lên đối tượng lao động nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất của con người.

+ Tư liệu lao động gồm công cụ lao động và phương tiện lao động.

+ Phương tiện lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất, cùng với công cụ lao động mà con người sử dụng để tác động lên đối tượng lao động trong quá trình sản xuất vật chất.

+ Công cụ lao động là những phương tiện vật chất mà con người trực tiếp sử dụng để tác động vào đối tượng lao động nhằm biến đổi chúng nhằm tạo ra của cải vật chất phục vụ nhu cầu con người và xã hội.

•Công cụ lao động là yếu tố vật chất “trung gian”, “truyền dẫn” giữa người lao động và đối tượng lao động trong tiến hành sản xuất.

•Công cụ lao động giữ vai trò quyết định đến năng suất lao động.

•Công cụ lao động là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất, là nguyên nhân sâu xa của mọi biến đổi kinh tế - xã hội trong lịch sử; là thước đo trình độ tác động, cải biến tự nhiên của con người và tiêu chuẩn để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau.

* Ngày nay, *khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp*.

+ Khoa học sản xuất ra của cải đặc biệt, hàng hóa đặc biệt. Đó là những phát minh sáng chế, những bí mật công nghệ, trở thành nguyên nhân của mọi biến đổi trong lực lượng sản xuất. Hiện nay, khoảng cách từ phát minh, sáng chế đến ứng dụng vào sản xuất đã được rút ngắn làm cho năng suất lao động, của cải xã hội tăng nhanh.

+ Khoa học kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, những yêu cầu do sản xuất đặt ra; có khả năng phát triển “vượt trước” và thâm nhập vào tất cả các yếu tố của sản xuất, trở thành mắt khâu bên trong của quá trình sản xuất.

+ Tri thức khoa học được kết tinh, “vật hóa” vào người lao động, người quản lý, công cụ lao động và đối tượng lao động. Sự phát triển của khoa học đã kích thích sự phát triển năng lực làm chủ sản xuất của con người.

* Trong thời đại ngày nay, cuộc CMCN lần thứ IV đang phát triển, ng lao động và công cụ lao động được trí tuệ hóa, nền kt của nhiều quốc gia phát triển đang trở thành nền kt tri thức. Đó là nền kinh tế mà trong đó sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức của con người đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, từ đó tạo ra của cải vật chất và nâng cao chất lượng cuộc sống con người. Đặc trưng của kinh tế tri thức là công nghệ cao, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và trong đời sống xã hội. Lực lượng sản xuất phát triển trong mối quan hệ biện chứng với quan hệ sản xuất.

**Câu 4:**

Luận điểm của C.Mác trong tác phẩm "Luận cương về Lúc-vích Phoi-ơ-bắc" là bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của những cá nhân riêng biệt, mà thực chất nó tồn tại trong tổng hòa của những quan hệ xã hội. Ý nghĩa của luận điểm này là con người và bản chất con người không thể hiểu một cách cô lập và độc đáo mà phải xem xét qua lăng kính của quan hệ xã hội và môi trường xã hội.

Trên cơ sở luận điểm này, mỗi cá nhân có thể áp dụng nó trong cuộc sống của mình như sau:

1. Hiểu rõ tác động của quan hệ xã hội: Bằng cách nhìn nhận bản thân không chỉ là cá nhân độc lập mà là một phần của xã hội, ta có thể hiểu rõ hơn về tác động của quan hệ xã hội lên suy nghĩ, hành động và giá trị cá nhân. Điều này giúp ta không chỉ nhìn vào cá nhân một cách cô độc mà còn xem xét cả những yếu tố xã hội xung quanh.

2. Đánh giá tác động của quan hệ xã hội đến bản thân: Bằng cách nhìn nhận mình như một phần của quan hệ xã hội, ta có thể đánh giá tác động của xã hội lên bản thân. Những giá trị, quan niệm và hành động cá nhân có thể được định hình và tác động bởi những quan hệ xã hội mà ta sống trong đó.

3. Nhận thức về trách nhiệm xã hội: Quan điểm này nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với xã hội. Bằng cách nhìn thấy mình là một phần của tổng thể xã hội, ta nhận thức được trách nhiệm của mình để góp phần vào sự phát triển và cải thiện của xã hội.

Vận dụng quan điểm này trong cuộc sống cá nhân, ta có thể đưa ra các quyết định và hành động dựa trên nhận thức về tác động của quan hệ xã hội và trách nhiệm cá nhân đối với xã hội. Ví dụ, khi tham gia vào các hoạt động xã hội, ta có thể cân nhắc tác động của nó đến cộng đồng và xem xét những giá trị và mục tiêu xã hội trong quyết định và hành động của mình.

**Câu 5:**

Khi nghe qua luận điểm này, ta cũng cảm thấy hợp lí nhưng thực ra lại là sai lầm. Thực tế cho thấy, Nhà nước không đơn giản chỉ cần đến những chuyên gia, mà hơn hết là cần những công dân có trách nhiệm với tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước. Để giáo dục ý thức công dân thì cần có triết học và các môn khoa học xã hội, nhân văn khác.Sinh viên ở các thời đại khác nhau và ở các nước khác nhau đều thường đi tiên phong trong các phong trào và các tiến trình chính trị. Triết học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận, nhân sinh quan, hệ thống giá trị văn hóa nhân văn cho sinh viên, nó được xem như “la bàn” giúp sinh viên định hướng tính tích cực xã hội và chính trị của mình vào mục đích xây dựng, sáng tạo. Triết học đem lại cho sinh viên tri thức về các mối quan hệ xã hội, về bản chất, chức năng của nhà nước và của pháp luật, về mục đích tồn tại của con người, về cái thiện và cái ác, về mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước và xã hội, về tự do và trách nhiệm. Vì vậy, triết học mang lại rất nhiều ý nghĩa quan trọng đối với sinh viên hiện nay.

**Thứ nhất, giáo dục triết học Mác - Lênin trong trường đại học góp phần hình thành thế giới quan khoa học trong sinh viên**

Giáo dục triết học Mác - Lênin trước hết là giáo dục những nguyên lý, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm xây dựng lập trường thế giới quan cho sinh viên. Đó chính là thế giới quan duy vật biện chứng - nền tảng để sinh viên nhận thức và tiếp thu những nguyên lý, quy luật khác. Thế giới quan là toàn bộ hệ thống tri thức, những quan niệm của con người về thế giới và về vị trí của chính con người trong thế giới đó. Là một hệ thống tri thức, quan niệm về thế giới nhưng thế giới quan được hiểu là kết quả của quá trình nhận thức đặc thù của con người, chứ không phải là phép cộng đơn giản tổng số các tri thức khoa học cụ thể.Việc giáo dục triết học Mác - Lênin trong các trường đại học có vị trí đặc biệt quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển thế giới quan khoa học - thế giới quan duy vật biện chứng của sinh viên. Bởi lẽ, triết học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, nó cung cấp cho con người một cách nhìn khoa học đối với hiện thực khách quan và khẳng định vai trò, vị trí của con người trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới. Từ đó, giúp sinh viên có thái độ đúng đắn, khoa học đối với hiện thực, có phương hướng chính trị vững vàng, có khả năng nhận biết, phân tích và giải quyết các vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn xã hội trên tinh thần thế giới quan Mác - Lênin

Thứ hai, giáo dục triết học Mác - Lênin còn góp phần xây dựng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho sinh viên, xây dựng trong họ những quan niệm đúng đắn về cuộc đời, về ý nghĩa và mục đích của cuộc sống. Cụ thể là, triết học Mác - Lênin giúp sinh viên hiểu được  mục đích cao nhất của con người là xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; trong đó, mọi người đều có một cuộc sống đầy đủ về vật chất và tinh thần. Đó là một xã hội mà "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

**Thứ ba, giáo dục triết học Mác - Lênin góp phần xây dựng lý tưởng cộng sản cho các thế hệ sinh viên Việt Nam. Lý tưởng giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách sinh viên, vì lý tưởng là mục đích cao nhất, đẹp nhất, tạo ra nghị lực giúp con người vượt qua mọi thách thức đạt đến mục tiêu đề ra**. Mục tiêu cao nhất mà lý tưởng cộng sản hướng tới là xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp: Xã hội xã hội chủ nghĩa và sau này là xã hội cộng sản chủ nghĩa. ở đó, con người được tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Sinh viên khi tiếp nhận những tri thức khoa học Mác - Lênin sẽ tìm kiếm được sức mạnh từ chính bản thân tri thức ấy để tự mình vươn lên, bồi dưỡng lý tưởng cộng sản, tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Có niềm tin, có hoài bão, sinh viên tất có ý chí thực hiện lý tưởng. Việc thực hiện lý tưởng không phải trừu tượng, xa vời, mà ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường họ cần xác lập ý chí học tập để sau này góp phần xây dựng Tổ quốc. Đồng thời, họ cần có tinh thần đấu tranh với những hành vi lệch chuẩn của một bộ phận sinh viên sống thiếu tráchnhiệm, mất phương hướng, lòng tin, lý tưởng sa đà vào cuộc sống hưởng thụ, thực dụng chỉ nghĩ đến lợi ích riêng mình, vô cảm với lợi ích của đồng loại, của dân tộc.

**Câu 7:**

*Hình thái kinh tế – xã hội là một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, và với một kiến trúc thượng  tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.*

Hình thái kinh tế – xã hội là một hệ thống hoàn chỉnh, có cấu trúc phức tạp, trong đó có các mặt cơ bản là lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Mỗi mặt của hình thái kinh tế – xã hội có vị trí riêng và tác động qua lại lẫn nhau, thống nhất với nhau.

Lực lượng sản xuất là nền tảng vật chất – kỹ thuật của mỗi hình thái kinh tế – xã hội. Hình thái kinh tế – xã hội khác nhau có lực lượng sản xuất khác nhau. Suy đến cùng, sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế – xã hội.

Các quan hệ sản xuất tạo thành cơ sở hạ tầng của xã hội và quyết định tất cả mọi quan hệ xã hội khác. Mỗi hình thái kinh tế – xã hội có một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho nó. Quan hệ sản xuất là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội.

**- Sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên**

Lịch sử phát triển của xã hội đã trải qua nhiều giai đoạn nối tiếp nhau từ thấp đến cao. Tương ứng với quá trình đó là lịch sử của các hình thái kinh tế – xã hội theo những quy luật, đó là quá trình lịch sử tự nhiên của xã hội. Mác khẳng định rằng “Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên”.

Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng. Mối liên hệ tác động qua lại của các nhân tố này thể hiện sự tác động của các quy luật chung vào trong các giai đoạn của sự phát triển của lịch sử làm cho các hình thái kinh tế – xã hội phát triển như một tiến trình lịch sử tự nhiên.

Quá trình phát triển lịch sử tự nhiên của xã hội có nguồn gốc sâu xa từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chính tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất đã quy định một cách khách quan tính chất và trình độ của quan hệ sản xuất. Do đó xét đến cùng lực lượng sản xuất quyết định quá trình vận động và phát triển của hình thái kinh tế – xã hội như quá trình lịch sử tự nhiên.

Có nhiều nguyên nhân tác động dẫn đến quá trình thay đổi các hình thái kinh tế – xã hội khác nhau trong sự phát triển của lịch sử. Trong đó điều kiện của môi trường địa lý, tính độc đáo của các nền văn hóa, của truyền thống, tư tưởng, tâm lý xã hội và vấn đề dân tộc v.v… đều có ý nghĩa quan trọng nhất định. Tính chất của tác động lẫn nhau giữa các dân tộc tồn tại ở các giai đoạn khác nhau đều phụ thuộc vào tính chất của chế độ xã hội. Để xác định tính đặc trưng và phân biệt sự khác nhau giữa các giai đoạn, phù hợp với khuynh hướng chủ đạo đó, người ta dùng khái niệm thời đại.

**Vận dụng học thuyết hình thái kinh tế – xã hội**

Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội đã được C.Mác vận dụng vào phân tích xã hội tư bản, vạch ra các quy luật vận động, phát triển của xã hội đó và đã đi đến dự báo về sự ra đời của hình thái kinh tế – xã hội cao hơn, hình thái cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đã hình thành phát triển từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga.

Vận dụng quy luật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*“.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa phù hợp với xu hướng phát triển chung của nhân loại, vừa phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta; với yêu cầu của quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ kết hợp với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Gắn liền với phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phải không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò của các tổ chức quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng thời với phát triển kinh tế, phải phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc nhằm không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội nhằm thực hiện mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

**Câu 18:Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, sự vận động và phát triển của mọi  sự vật, hiện tượng bị chi phối bởi 3 quy luật cơ bản: quy luật lượng chất; quy luật mâu thuẫn; quy luật phủ định của phủ định.**

Quy luật mâu thuẫn là quy luật cơ bản nhất. Vì: đây là quy luật hạt nhân của phép biện chứng duy vật và suy cho đến cùng mọi vấn đề của sự vận động và phát triển đều bắt nguồn từ mâu thuẫn.

Trình bày nội dung quy luật mâu thuẫn:

* Khái niệm
* Quá trình thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
* Ý nghĩa phương pháp luận

Từ quy luật này, anh (chị) cho biết quan điểm của mình đối với công tác đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Nêu khái quát được Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta hiện nay đối với công tác đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo: Việt Nam kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của mình bằng biện pháp hòa bình với các giải pháp gồm: sử dụng các lực lượng thực thi pháp luật trên thực địa để bảo vệ và khẳng định chủ quyền biển đảo; đấu tranh bằng con đường chính trị, ngoại giao, đấu tranh bằng dư luận, kêu gọi cộng đồng quốc tế lên án mạnh mẽ hành vi vi phạm chủ quyền Việt Nam của Trung Quốc; Việt Nam cân nhắc việc sử dụng các biện pháp pháp lý theo luật pháp quốc tế nhằm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng và lợi ích chính đáng của mình.

Nêu ra được quan điểm cá nhân đối với phương hướng hành động trên (từ góc nhìn của quy luật mâu thuẫn):

* Trung Quốc là đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam
* Biển Động là khu vực quan trọng trong vận tải, thương mại của quốc tế,…
* Việt Nam chủ trương con đường hòa bình, muốn ổn định chính trị để phát triển kinh tế,…
* Xu hướng giải quyết tranh chấp hiện nay trên thế giới là đối thoại, hòa giải trên cơ sở luật pháp quốc tế,...

**Câu 17:**

\*Khái niệm

Con người là một thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội, trong đó, phương diện tự nhiên và phương diện xã hội thống nhất biện chứng với nhau.

Con người trước hết mang bản tính tự nhiên (sản phẩm của tự nhiên, bộ phận của thiên nhiên,…). Song con người không đồng nhất với các tồn tại khác của tự nhiên mà còn mang bản tính xã hội (nguồn gốc xã hội, nhân tố lao động, các quy luật xã hội,…)

\*Bản chất:

- Chịu tác động mạnh mẽ của các quan hệ xã hội,

- Bản chất con người do những quan hệ xã hội của con người quy định.

- Bản chất con người là một hệ thống mở, luôn biến đổi tương ứng với điều

kiện tồn tại, bản chất con người cũng thay đổi theo.

- Không có con người trừu tượng, con người luôn cụ thể, xác định, sống

trong một điều kiện lịch sử cụ thể nhất định.

\*Vai trò:

Con người vừa là sản phẩm của lịch sử vừa là chủ thể của lịch sử

- Con người là sản phẩm của lịch sử: Con người trước tiên là sản phẩm của

sự tiến hoá của lịch sử, lịch sử xã hội càng phát triển thì con người ngày càng

hoàn thiện hơn. Nếu không có thế giới tự nhiên, không có lịch sử xã hội thì cũng

không có con người.

- Con người là chủ thể của lịch sử: Con người là sản phẩm của lịch sử,

song điều quan trọng hơn cả, con người luôn luôn là chủ thể của lịch sử xã hội,

điều đó được thể hiện như sau:

+ Thứ nhất, con người đã sáng tạo ra lịch sử xã hội.

+ Thứ hai, con người bằng hoạt động của mình đã thúc đẩy sự vận động phát triển của lịch sử.

\*Vấn đề con người ở Việt Nam hiện nay (đọc)

Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, con người ngày càng có điều kiện phát triển toàn diện. Để tiếp tục đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ngày một giàu mạnh, việc xây dựng con người mới Việt Nam đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước là nhiệm vụ có tính cấp bách.

Con người trước hết là sản phẩm của lịch sử, mang những dấu ấn đặc trưng của thời đại mà mình sinh sống. Trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay, con người có điều kiện phát huy năng lực của bản thânn và cũng được chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần. Song, để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, đặc biệt khi đất nước đã và đang bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức, hiện nay là cuộc cách mạng 4.0, con người với tư cách là sản phẩm của sự nghiệp đổi mới phải không ngừng nâng cao tư duy, phẩm chất và sức khỏe của bản thân mình để có đủ tri thức và kỹ năng cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc. Tuy nhiên, con người không chỉ là sản phẩm của xã hội, mà còn là chủ thể cải tạo, làm thay đổi xã hội. Vai trò chủ thể của con người trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thể hiện ở việc chính họ dấn thân tạo ra những biến chuyển đó. Những thành tựu to lớn mà đất nước ta có được trong thời gian qua chính là do con người tạo dựng nên. Không có sự đoàn kết nhất trí, sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ con người Việt Nam thì sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Đảng ta khởi xướng khó lòng có thể thành công được.

Kết quả của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng chính là minh chứng sinh động tính đúng đắn của đường lối xuất phát từ con người, vì con người. Vì lý do đó, việc phát huy nguồn lực con người phải được coi là vấn đề chiến lược, là yêu cầu cấp bách để của sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Câu 13:**

Để xây dựng nền văn hóa ở Việt Nam, cần tạo môi trường tồn tại xã hội tốt, đảm bảo sự phát triển kinh tế, chính trị và môi trường sống lành mạnh. Đồng thời, cần khuyến khích ý thức xã hội tích cực, đóng góp vào việc xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam.

Ngoài ra, việc tăng cường giáo dục và truyền thông về giá trị văn hóa, tôn trọng và bảo tồn di sản văn hóa cũng là cách quan trọng để xây dựng nền vn hóa ở Việt Nam. Khuyến khích sự đa dạng văn hóa, tôn trọng và thúc đẩy sự sáng tạo trong nghệ thuật cũng là những phương pháp quan trọng để xây dựng nền văn hóa đa dạng và giàu có ở Việt Nam.

**Câu 10:**

Triết học nhìn nhận con người như là một chủ thể tự do và có khả năng tư duy, cảm nhận và hành động. Triết lý nhấn mạnh vai trò quan trọng của con người trong việc tạo n nghĩa, giá trị và mục đích trong cuộc sống. Con người được xem như là tâm điểm và trung tâm của sự tồn tại.

Tuy nhiên, trong thời đại 4.0 ngày nay, con người đối mặt với nhiều th thức và vấn đề mới. Cách tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông đã thúc đẩy sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, công nghệ robot hóa và tự động hóa. Điều này tạo ra sự lo lắng về tương lai công việc và vai trò của con ng trong xã hội. Sự phụ thuộc mạnh mẽ vào công nghệ cũng gây ra những thay đổi về ý thức và giá trị, cùng với những ảnh hưởng xã hội và văn hóa.

Tuy nhiên, trong thời đại 4.0, con người vẫn giữ được những khả năng và đặc điểm riêng của mình. Con người vẫn có khả năng tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi và khả năng xây dựng mối quan hệ giữa những người khác. Điều quan trọng là chúng ta phải sử dụng công nghệ và các công cụ thông minh nhằm tạo ra giá trị và thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội, không để công nghệ trở thành một yếu tố cưỡng chế hay làm mất đi nhân cách con người.

Do đó, trong thời đại 4.0, quan trọng nhất là đảm bảo rằng công nghệ và con người phát triển song song và tương hỗ nhau. Con người phải vẫn giữ được khả năng tư duy sáng tạo, đạo đức và giá trị nhân văn. Đồng thời, chúng ta cần phát triển và áp dụng công nghệ nhằm giải quyết vấn đề xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống và đảm bảo bền vững cho môi trường và xã hội.

Trong thời đại 4.0, con người vẫn giữ được vai trò quan trọng và cần phải nắm bắt cơ hội để vận dụng công nghệ nhằm tạo nên những thay đổi tích cực cho bản thân và xã hội. Sự linh hoạt, sáng tạo và khả năng học tập liên tục là những yếu tố quan tr để con người có thể thích nghi và phát triển trong thời đại 4.0.